

TÂM THỂ VỮNG VÀNG VƯỢT NGÀN THÁCH THỨC

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2012**

A hand with the index finger pointing straight ahead, positioned in the upper right corner of the image.

“ Thế giới ngày mai
thuộc về người có tầm nhìn hôm nay ”





Nội dung

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	4
THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC	8
GIỚI THIỆU VỀ DONGA BANK	12
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	18
GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT	22
GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	24
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2012	30
CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN	56

Tầm nhìn

Tập đoàn Tài chính Ngân hàng hàng đầu Việt Nam –
Vươn ra quốc tế, được khách hàng mến yêu,
tín nhiệm và giới thiệu.

Giá trị cốt lõi

Niềm tin – Trách nhiệm – Đoàn kết – Nhân văn –
Tuân thủ - Nghiêm chính – Đồng hành – Sáng tạo.

Sứ mệnh

Bằng trách nhiệm, niềm đam mê và trí tuệ, chúng ta cùng nhau kiến tạo nên những điều kiện hợp tác hấp dẫn khách hàng, đối tác, cổ đông, cộng sự và cộng đồng.



Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2012 là năm có nhiều khó khăn, thử thách với hệ thống ngân hàng TMCP. Mặt khác thị trường bất động sản đóng băng, chứng khoán giảm, nợ xấu tăng, thị trường vàng biến động, hàng tồn kho của các doanh nghiệp tăng, kinh doanh gặp nhiều khó khăn dẫn đến tín dụng 2012 của toàn ngành chỉ tăng 7%, chưa đạt một nửa so với chỉ tiêu tăng trưởng 15-17% đề ra đầu năm - mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 20 năm trở lại đây dẫn đến lợi nhuận hệ thống ngân hàng giảm mạnh trong năm 2012. Những khó khăn nêu trên dự báo chưa được cải thiện đáng kể trong năm 2013.

Từ những khó khăn nêu trên, DongA Bank không thể không bị ảnh hưởng, song với tầm nhìn chiến lược, thể chủ động trong các phương án phòng chống rủi ro trên toàn hệ thống, bước đi thận trọng và những kế hoạch đặc thù được thiết lập riêng, DongA Bank vẫn duy trì được sự phát triển, như huy động vốn tăng trưởng 33%. Mặt khác, trong công tác quản lý điều hành, DongA Bank luôn tuân thủ đầy đủ kịp thời đúng các quy định của nhà nước, tăng cường giám sát chặt chẽ, hạn chế thấp nhất các rủi ro phát sinh thông qua báo cáo giám sát các chỉ số, giới hạn an toàn. Với ý thức nhìn thẳng, đánh giá đúng các vấn đề đang tồn tại để đề ra các giải pháp điều hành phù hợp với tình hình thực tế từ năm 2011, DongA Bank đã chủ động điều tiết tốc độ phát triển để tập trung chiến lược kinh doanh theo hướng tăng trưởng bền vững, chuẩn bị cho tiến trình hoàn chỉnh cơ cấu mô hình hoạt động trên cơ sở tăng cường công tác quản trị, đặc biệt là quản trị rủi ro và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

DongA Bank với chiến lược “Đổi mới và Phát triển” của mình để tạo ra động lực chuyển biến mạnh mẽ. Với lòng nhiệt huyết của toàn hệ thống, DongA Bank không ngừng phát huy tiềm lực nội bộ, coi đây là nền tảng cốt lõi của sự bền vững để phát triển, với niềm tin DongA Bank luôn cùng đồng hành phát triển với sự vươn lên không ngừng với hơn 6 triệu khách hàng là động lực to lớn để DongA Bank vững vàng tiến lên phía trước.

Trong năm 2012, tuy Ngân hàng không hoàn thành chỉ tiêu đại hội cổ đông lần thứ 20 đã đề ra, song cũng đạt kết quả khả quan trong bối cảnh khó khăn chung của hệ thống ngân hàng TMCP năm 2012. Đó là sự nỗ lực của toàn hệ thống DongA Bank. Với sự đồng tâm và sức trẻ đầy nhiệt huyết, với thương hiệu uy tín DongA Bank luôn đồng hành với khách hàng gần xa, với sản phẩm dịch vụ đa dạng, hệ thống mạng lưới rộng khắp, mối quan hệ bền chặt với trên 6 triệu khách hàng, với công nghệ thông tin hiện đại tiện ích..., đã giúp DongA Bank không ngừng phát triển để trở thành một tổ chức tài chính vững mạnh, an toàn, thuận tiện, đại chúng.

Năm 2013 đã qua ¼ chặng đường, nhưng nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, thậm chí còn có một số dự báo cho rằng năm 2013 vẫn tiếp tục khó khăn, thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng, thị trường chứng khoán tiếp tục khó khăn, chính phủ bắt đầu tái cơ cấu lại tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước của chính phủ. Đối với hệ thống ngân hàng cũng sẽ tiến hành tái cơ cấu trong bối cảnh có chiều hướng nợ xấu tăng, song bằng những giải pháp điều hành có hiệu quả của chính phủ, kinh tế trong quý 1/2013 đã có chuyển biến tích cực tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ.

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế DongA Bank với chiến lược “Đổi mới và Phát triển” của mình để tạo ra động lực chuyển biến mạnh mẽ. Với lòng nhiệt huyết của toàn hệ thống, DongA Bank không ngừng phát huy tiềm lực nội bộ, coi đây là nền tảng cốt lõi của sự bền vững để phát triển, với niềm tin DongA Bank luôn cùng đồng hành phát triển với sự vươn lên không ngừng với hơn 6 triệu khách hàng là động lực to lớn để DongA Bank vững vàng tiến lên phía trước. Tuy vẫn còn nhiều khó khăn thách thức phía trước, nhưng với đội ngũ quản trị điều hành có kinh nghiệm tích lũy, có nhiệt huyết cao với sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể CBNV, với nền tảng ổn định và những kế hoạch chủ động, DongA Bank nhất định sẽ thành công trên con đường chinh phục mục tiêu của mình trong năm 2013 cũng như các năm tiếp theo.

CHỦ TỊCH HĐQT

PHẠM VĂN BỰ



Thông điệp của Tổng Giám Đốc

Kính thưa Quý khách hàng, đối tác và cổ đông,

Với chủ trương không chạy theo lợi nhuận ngắn hạn, không mạo hiểm, DongA Bank đã cán mốc an toàn khi kết quả kinh doanh không bị ảnh hưởng lớn bởi những xáo trộn của thị trường. Một số dư luận cho rằng, DongA Bank đang bước những bước đi bảo thủ. Nhưng cho đến hôm nay, khi khép lại năm 2012 với kết quả kinh doanh cao hơn mức trung bình của ngành (lợi nhuận trung bình của ngành giảm 50%, DongA Bank giảm 38%, so với năm 2011), chúng ta có thể nói rằng đó không phải là bảo thủ, mà là sự thận trọng “bảo toàn lực lượng” được cân nhắc và có chiến lược trong hoạt động kinh doanh.

2012 là năm đầu tiên DongA Bank không hoàn thành chỉ tiêu trong lịch sử 20 năm hoạt động, lỗi không hoàn toàn do suy thoái chung của nền kinh tế mà một phần do chúng ta không dự báo được hết các diễn biến phức tạp trong năm qua. Tuy nhiên, điểm đáng mừng là chúng ta đã kiên quyết thực hiện được sự thay đổi và có những chuẩn bị tương đối để thực hiện thay đổi thông qua việc quan sát, học hỏi kinh nghiệm của các ngân hàng bạn. Kết quả không đến dễ dàng trong một sớm một chiều, nhưng chúng ta đang đi đúng hướng. CBNV trưởng thành hơn, thêm nhiều nhân tài gia nhập đội ngũ DongA Bank và những biến chuyển tích cực đang diễn ra từng ngày là phần thưởng ban đầu cho sự nỗ lực của chúng ta.

Một mặt đối đầu và vượt qua khủng hoảng, một mặt kiện toàn bộ máy nhân sự và hoạt động kinh doanh, năm 2012 cũng đánh dấu những thành quả sau của DongA Bank:

- Giải thưởng Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 DN lớn nhất Việt Nam 2012.
- Ngân hàng kinh doanh ngoại hối tốt nhất Việt Nam năm 2012
- Công ty tài chính tốt nhất Việt Nam 2012 dành cho Công ty Kiều hối Đông Á do Tạp chí uy tín ABF trao tặng

Năm vừa qua cũng là năm có nhiều sản phẩm và ý tưởng đột phá. Ủy ban Chiến lược ra đời, tạo tiền đề cho sự thay đổi toàn diện của DongA Bank. Đây là sự chuẩn bị mang tính chiến lược; với các mô hình phát triển phù hợp hơn trong tương lai, cùng với việc đổi mới cách thức quản lý hiệu quả.

Bên cạnh việc duy trì sự hoạt động ổn định, chủ động giảm thiểu rủi ro bằng việc sớm lên kế hoạch thu hồi nợ, DongA Bank đã thúc đẩy kinh doanh qua việc triển khai các chương trình khuyến mãi vào những dịp đặc thù để kích cầu cũng mang lại

kết quả khả quan nhờ phù hợp với nhu cầu, tâm lý khách hàng.

Chất lượng dịch vụ của DongA Bank cũng được liên tục cải tiến trong năm 2012. Hàng loạt buồng ATM được nâng cấp, thay đổi hình ảnh sang trọng, tươi mới, thân thiện hơn. Đồng thời, DongA Bank đã phát hành mẫu mới Thẻ Đa năng Đông Á trên toàn hệ thống 240 chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch. Với thiết kế mới, Thẻ Đa năng Đông Á mang diện mạo hiện đại, sang trọng hơn với màu sắc và họa tiết sinh động, bắt mắt nhưng vẫn đảm bảo sự gần gũi, thân thiện với khách hàng. Bên cạnh đó, chương trình “Nụ cười DongA Bank” tiếp tục được duy trì.

Năm 2013 tiếp tục với nhiều cam go và thử thách cho ngành ngân hàng. Với định hướng kinh doanh 2013 là “ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN”, DongA Bank đã chủ động đổi mới với khó khăn. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2013 là tiếp tục quá trình biến chuyển mạnh mẽ; xây dựng mô hình kinh doanh chiến lược mới; tăng cường hợp tác chiến lược với các đối tác hàng không, kênh bán lẻ và các ngân hàng nước ngoài; điều chỉnh hướng kinh doanh theo hướng giảm thiểu rủi ro; kiểm soát nợ xấu, nâng cao các nguồn thu phí; rà soát và chọn lọc đối tượng khách hàng; tập trung và phát triển lượng khách hàng trung thành; làm giàu tổng tài sản, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, ổn định, tiếp tục con đường chinh phục mục tiêu chiến lược: trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

Trong thách thức luôn tiềm ẩn cơ hội. Bước qua năm 2013, DongA Bank đủ kinh nghiệm, đủ tin cậy, đủ lạc quan, tràn đầy năng lượng và quyết tâm hướng tới mục tiêu, dù khó khăn, thử thách được dự đoán sẽ tiếp tục nặng nề hơn trong 3 năm tới, nhưng kế hoạch 2013 của DongA Bank được xây dựng trên nền tảng của sự thận trọng, tầm nhìn chiến lược, các phương án kinh doanh ổn định, cộng với sự nỗ lực quyết tâm của từng thành viên, DongA Bank sẽ cập bến 2013 an toàn.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN PHƯƠNG BÌNH







“Sẵn sàng cho cuộc hành trình còn
nhiều gian nan và thử thách”

Giới thiệu về DongA Bank

/// GIỚI THIỆU CHUNG



DongA Bank - một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam - được thành lập vào năm 1992, trong bối cảnh kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn. Đến nay, DongA Bank đã có hơn 20 năm phát triển và tăng trưởng bền vững, gặt hái nhiều thành công và giữ “Trọng chữ tín, vẹn niềm tin” với hàng triệu khách hàng.

Đến cuối năm 2012, vốn điều lệ của DongA Bank đã đạt mức 5.000 tỷ đồng, tổng tài sản là 69.278 tỷ đồng, mạng lưới phân phối rộng khắp với 240 chi nhánh, phòng giao dịch, trung tâm giao dịch 24h trên toàn quốc. DongA Bank đang phục vụ trên 6 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua hai lĩnh vực kinh doanh chủ đạo: dịch vụ tài chính cá nhân và

dịch vụ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Để từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, DongA Bank cũng không ngừng phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, vững tay nghề, giỏi nghiệp vụ lên đến 4.728 người trên khắp cả nước.

DongA Bank cũng là tổ chức dẫn đầu thị trường về phát triển dịch vụ thẻ với hệ thống 1.400 máy ATM, 1.500 máy POS, và đã hợp tác với những tổ chức quốc tế hàng đầu để phát hành những thương hiệu thẻ nổi tiếng tại Việt Nam như Visa, Master,... đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng. Bên cạnh đó, DongA Bank đi đầu trong công nghệ thông tin, phát triển kênh giao dịch hiện đại qua bốn phương thức giao dịch: SMS Banking, Internet Banking, Mobile Banking và

Phone Banking. Hoạt động của các quy trình nghiệp vụ chính được chuẩn hoá theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Với việc hợp tác và hỗ trợ của đối tác tư vấn Boston Consulting Group (BCG) trong chiến lược đổi mới và phát triển giai đoạn 2012 – 2015 và tầm nhìn 2020, DongA Bank tin rằng, với nỗ lực cải tiến và đổi mới mọi mặt nhằm gia tăng sự hài lòng của khách hàng, từ trong tư duy đến sản phẩm dịch vụ trên nền tảng vững chắc được kế thừa hơn 20 năm, DongA Bank sẽ sớm trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam đồng thời trở thành Tập đoàn tài chính quốc tế được khách hàng mến yêu, tin nhiệm và giới thiệu.

Cũng trong định hướng phát triển bền vững, ba công ty thành viên của DongA Bank gồm Công ty Kiểu hối Đông Á (DongA Money Transfer), Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DongA Securities) và Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (DongA Capital) đã không ngừng nỗ lực và đóng góp nhất định vào thành công lớn của ngân hàng.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh:

■ Hoạt động trung gian tiền tệ khác

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của tổ chức, vay vốn của các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá trị; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật quy định; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc; Kinh doanh trái phiếu; Môi giới và đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật; Nghiệp vụ thị trường mở theo quy định pháp luật.

■ Hoạt động của Đại lý và Môi giới bảo hiểm

Đại lý Bảo hiểm.

■ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Dịch vụ cho thuê kho bãi.

■ Đại lý, môi giới, đấu giá

Đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý thanh toán trái phiếu doanh nghiệp và đấu thầu phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

■ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Dịch vụ giao nhận hàng hóa.

Địa bàn kinh doanh: Trên phạm vi cả nước.

VỐN ĐIỀU LỆ

5.000
TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN

69.278
TỶ ĐỒNG

NHÂN SỰ

4.728
NGƯỜI

KHÁCH HÀNG

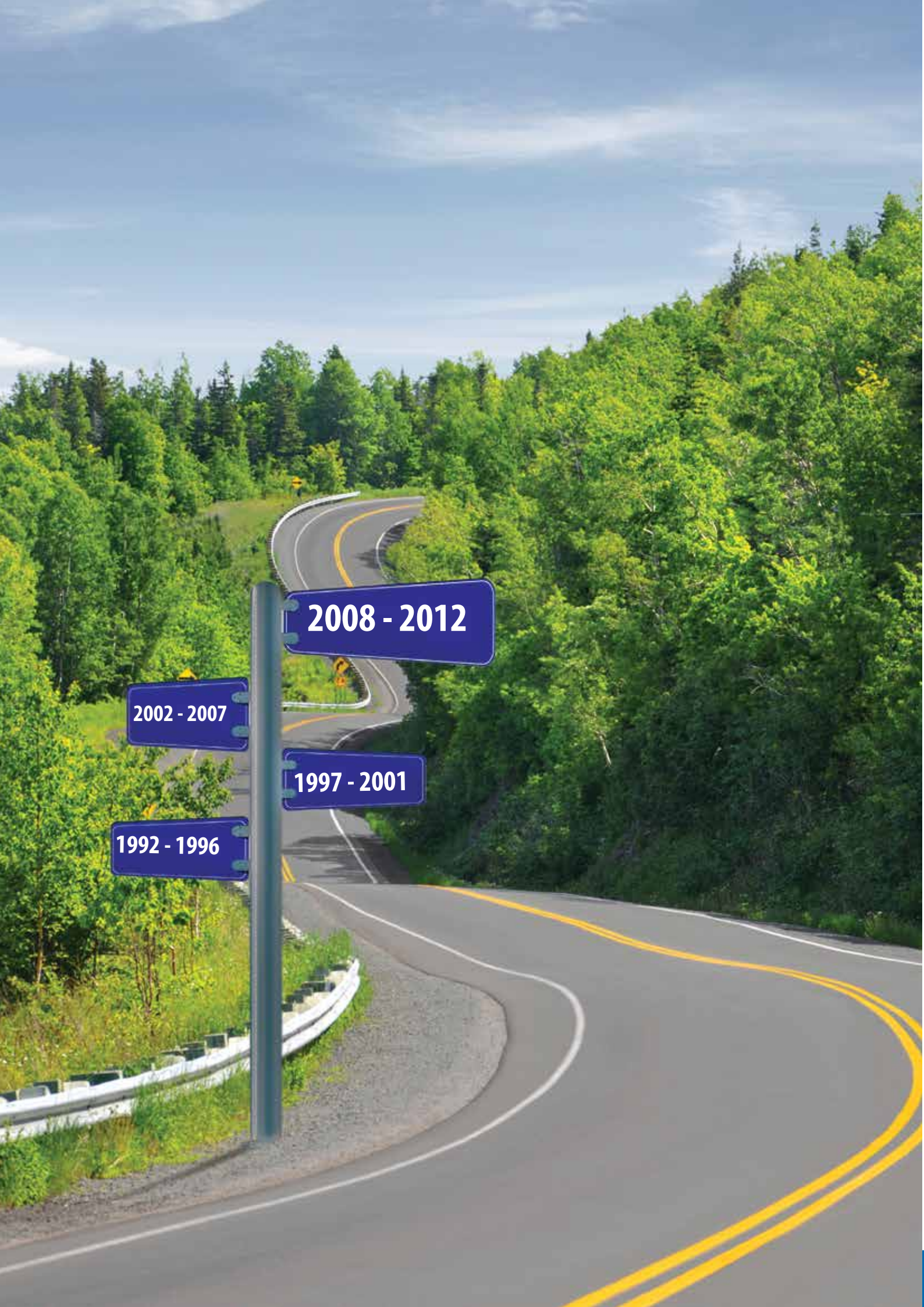
HƠN **6.000.000**
KHÁCH HÀNG

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Đến 31/12/2012, DongA Bank có 100% cổ đông trong nước. Tổng số vốn cổ phần của cổ đông pháp nhân chiếm tỉ lệ 39,83%. Tổng số vốn cổ phần của cổ đông thể nhân chiếm tỉ lệ 60,17%. Căn cứ vào danh sách cổ đông cập nhật vào ngày 31/12/2013, những cổ đông pháp nhân sở hữu tỉ lệ lớn bao gồm:

- Văn phòng Thành ủy TP.HCM: 6,87% VĐL
- Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ): 7,7% VĐL
- Công ty CP Vốn An Bình: 5,42% VĐL
- Công ty CP Sơn Trà Điện Ngọc: 3,26% VĐL
- Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa: 3,78% VĐL
- Công ty TNHH Ninh Thịnh: 3,06% VĐL
- Công ty TNHH MTV XD và KD Nhà Phú Nhuận: 2,14% VĐL





2008 - 2012

2002 - 2007

1997 - 2001

1992 - 1996

Giới thiệu về DongA Bank

/// QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

DongA Bank được thành lập và chính thức đi vào hoạt động vào ngày 1/7/1992 với số vốn điều lệ 20 tỉ đồng, 56 cán bộ công nhân viên và 3 phòng ban nghiệp vụ. Trong suốt 20 năm hoạt động, DongA Bank đã bám sát tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược hướng đến lĩnh vực bán lẻ, khẳng định vị trí dẫn đầu của mình trong hệ thống Ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Dưới đây là một số cột mốc đáng nhớ của DongA Bank:

1992 - 1996

Đây là giai đoạn hình thành DongA Bank. Những người sáng lập DongA Bank, với năng lực tài chính, kiến thức và kinh nghiệm thương trường, đã tập trung vào mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ, đột phá thị trường bằng những sản phẩm mới mẻ như dịch vụ thanh toán quốc tế, chuyển tiền nhanh và chi lương hộ.

DongA Bank đã ký kết và cũng là đối tác duy nhất đến nay nhận vốn ủy thác từ tổ chức Hợp tác Quốc tế của Thụy Điển (SIDA), tài trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam vừa và nhỏ. Cũng trong giai đoạn này, DongA Bank đã nhận vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển Nông thôn (RDF) của Ngân hàng Thế giới.

2002-2007

DongA Bank đạt con số 2 triệu khách hàng sử dụng Thẻ Đa năng, trở thành ngân hàng thương mại cổ phần dẫn đầu về tốc độ phát triển dịch vụ thẻ và ATM tại Việt Nam. Giai đoạn này cũng ghi dấu ấn lớn khi DongA Bank tiên phong triển khai thêm 2 kênh giao dịch: Ngân Hàng Đông Á Tự động và Ngân Hàng Đông Á Điện Tử; thành lập hệ thống Vietnam Bankcard (VNBC), kết nối hệ thống thẻ giữa các ngân hàng và kết nối với tập đoàn China Union Pay (Trung Quốc); triển khai dự án chuyển đổi sang core – banking và giao dịch online toàn hệ thống.

Nhân kỷ niệm 15 năm thành lập, DongA Bank chính thức thay đổi logo cùng hệ thống nhận diện thương hiệu mới cũng như khánh thành và đưa vào sử dụng nhiều trụ sở hiện đại theo mô hình chuẩn của tòa nhà Hội sở. DongA Bank đứng trong Top 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) bình chọn.

1997-2001

DongA Bank trở thành thành viên chính thức của Mạng thanh toán toàn cầu (SWIFT), thành lập Công ty Kiểu hối Đông Á. Xây dựng và áp dụng thành công ISO 9001:2000 vào hoạt động ngân hàng. Là một trong hai ngân hàng cổ phần nhận vốn ủy thác từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC), DongA Bank có cơ hội đẩy mạnh tín dụng vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trung tâm thẻ DongA Bank cũng được thành lập trong giai đoạn này và những chiếc thẻ Đông Á đầu tiên đã có mặt trên thị trường. DongA Bank cũng đánh dấu thời điểm bắt đầu tham gia vào các hoạt động thể thao khi thành lập Công ty cổ phần Thể thao Đông Á và quản lý CLB Bóng đá Ngân hàng Đông Á (được chuyển giao từ đội bóng Công An TP. HCM).

2008-2012

DongA Bank thành lập Công ty Thẻ Thông minh Vina (VNBC) và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sở hữu nhiều dòng máy ATM hiện đại như: máy ATM TK21 – Kỷ lục Guinness năm 2007 (nhận tiền mặt trực tiếp 100 tờ với nhiều mệnh giá khác nhau trong một lần gửi), sản phẩm ATM lưu động (Kỷ lục Guinness năm 2009); Máy bán vàng Gold ATM (Kỷ lục Guinness năm 2010), Máy H38N và nhiều dòng máy ATM hiện đại khác.

DongA Bank tự hào là ngân hàng có số lượng khách hàng đạt kỷ lục, với trên 6 triệu người, và cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích khổng lồ, từ các dịch vụ ngân hàng truyền thống đến các dịch vụ qua các kênh Thanh toán tự động, Ngân hàng điện tử eBanking, các sản phẩm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, kiểu hối, thanh toán quốc tế... DongA Bank không ngừng mở rộng mạng lưới rộng khắp từ thành thị, đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, trong nỗ lực mang các dịch vụ ngân hàng đến gần hơn với người dân Việt Nam. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch, điểm 24h tính đến thời điểm hiện nay là 240 điểm cùng với 1.400 máy ATM và 1.500 máy POS, kết nối thành công với 3 hệ thống liên minh thẻ VNBC, Smartlink và Banknetvn.

Trong giai đoạn 2009 – 2012,
DongA Bank tăng dần vốn điều lệ
từ 3.400 tỷ đồng lên

5.000
TỶ ĐỒNG



Giới thiệu về DongA Bank

/// GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2012 là năm đạt thành tích vượt trội của DongA Bank và đội ngũ nhân viên. Với những giải thưởng quốc tế và trong nước, DongA Bank đã tạo dựng được vị thế và tầm cao mới trên thị trường tài chính, cũng như được sự công nhận của các tổ chức tài chính uy tín hàng đầu thế giới và Việt Nam. Trong năm qua, nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, DongA Bank đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3 và Ngân hàng Nhà nước trao kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Ngân hàng” cho 72 nhân sự. Cũng trong năm 2012, DongA Bank đạt được giải thưởng quốc tế “Ngân hàng nội địa kinh doanh ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2012”. DongA Bank cũng tự hào là ngân hàng dẫn đầu công nghệ khi có nhân viên nhận giải thưởng Lãnh đạo An ninh thông tin tiêu biểu Đông Nam Á năm 2012 – CSO ASEAN Award 2012.

Bên cạnh đó, DongA Bank cũng vinh dự đón nhận Bằng khen Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Cờ truyền thống 20 năm của UBND TP. HCM, Cờ truyền thống Công đoàn 20 năm và nhiều giải thưởng quan trọng khác.

Thông tin giải thưởng cụ thể:

- Bằng khen Thành tích đóng góp trong hoạt động Triển lãm - Hội chợ Thành tựu 10 năm xây dựng và phát triển ĐBSCL do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng
- Bằng khen Thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2010 – 2011 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng
- Bằng khen Tập thể tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, vì cộng đồng, vì an sinh xã hội từ 1992 – 2012 do Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại TP. HCM trao tặng
- Cờ truyền thống 20 năm Đoàn kết và Phát triển, góp phần xây dựng Công đoàn vững mạnh do Liên đoàn Lao động TP. HCM trao tặng
- Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012 do Thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công thương trao tặng
- Cờ truyền thống 20 năm xây dựng và phát triển do UBND TP. HCM trao tặng
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2011 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng
- Giải thưởng Ngân hàng nội địa kinh doanh ngoại hối tốt nhất Việt Nam năm 2012 do tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng
- Bằng khen Tích cực tài trợ tổ chức Festival Dừa Bến Tre lần III năm 2012 do UBND tỉnh Bến Tre trao tặng
- Bằng khen Thành tích xuất sắc trong các hoạt động từ thiện, xã hội do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao tặng
- Bằng khen Thành tích xuất sắc trong phong trào khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội năm 2011 do Trung ương Hội khuyến học Việt Nam trao tặng
- Giải thưởng Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012 do báo điện tử Vietnamnet trao tặng
- Giải thưởng Lãnh đạo An ninh thông tin tin tiêu biểu Đông Nam Á năm 2012 - CSO ASEAN Award 2012 do Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG tại Việt Nam phối hợp với Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp Máy tính Việt nam (VNCERT) và Sở Thông tin & Truyền thông TP.HCM trao tặng
- Giải thưởng Dịch vụ được hài lòng nhất do Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao trao tặng

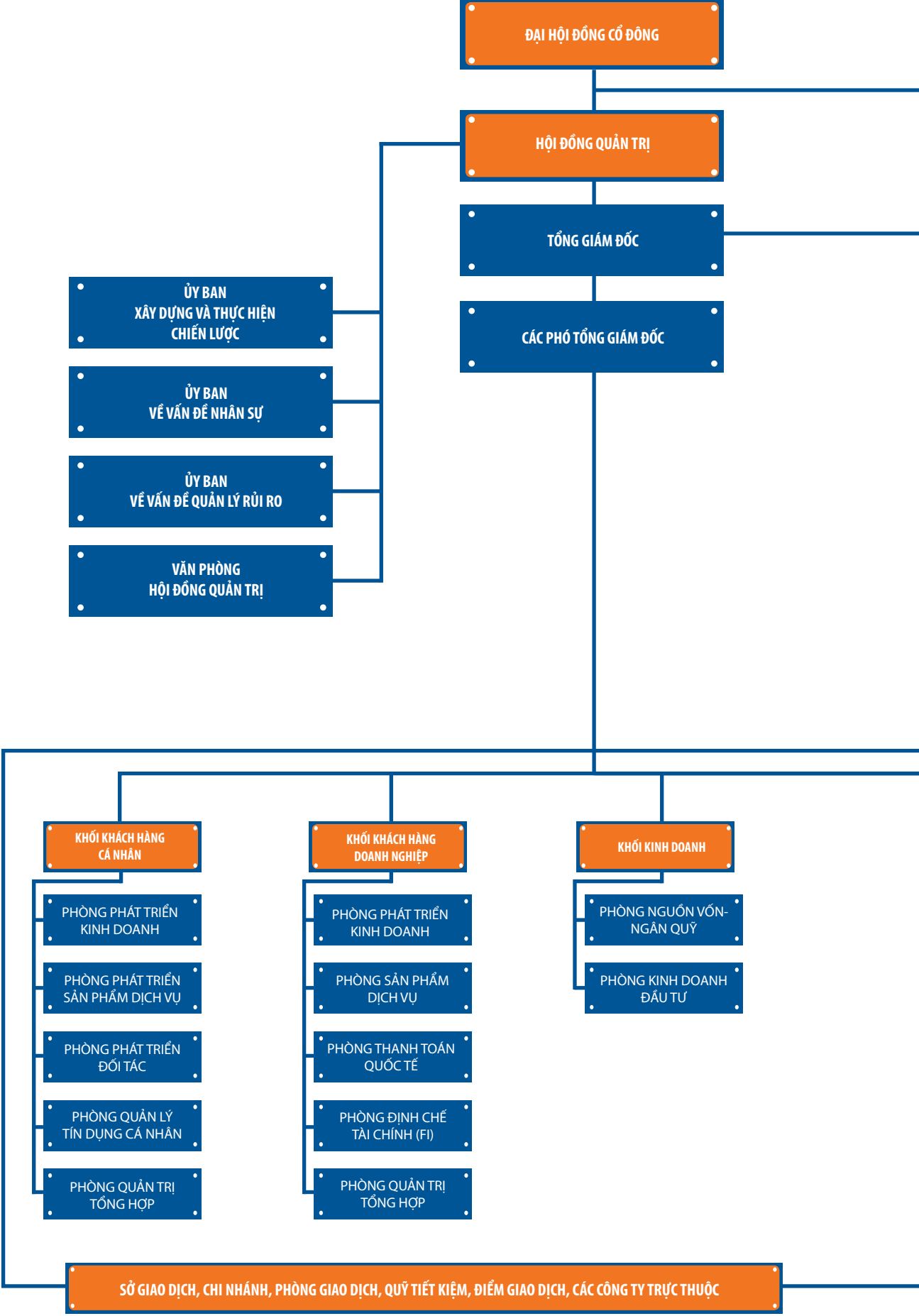
*Chân thành cảm ơn 6 triệu khách hàng đã cùng DongA Bank
vững vàng tiến bước và đón nhận những giải thưởng quốc tế uy tín*

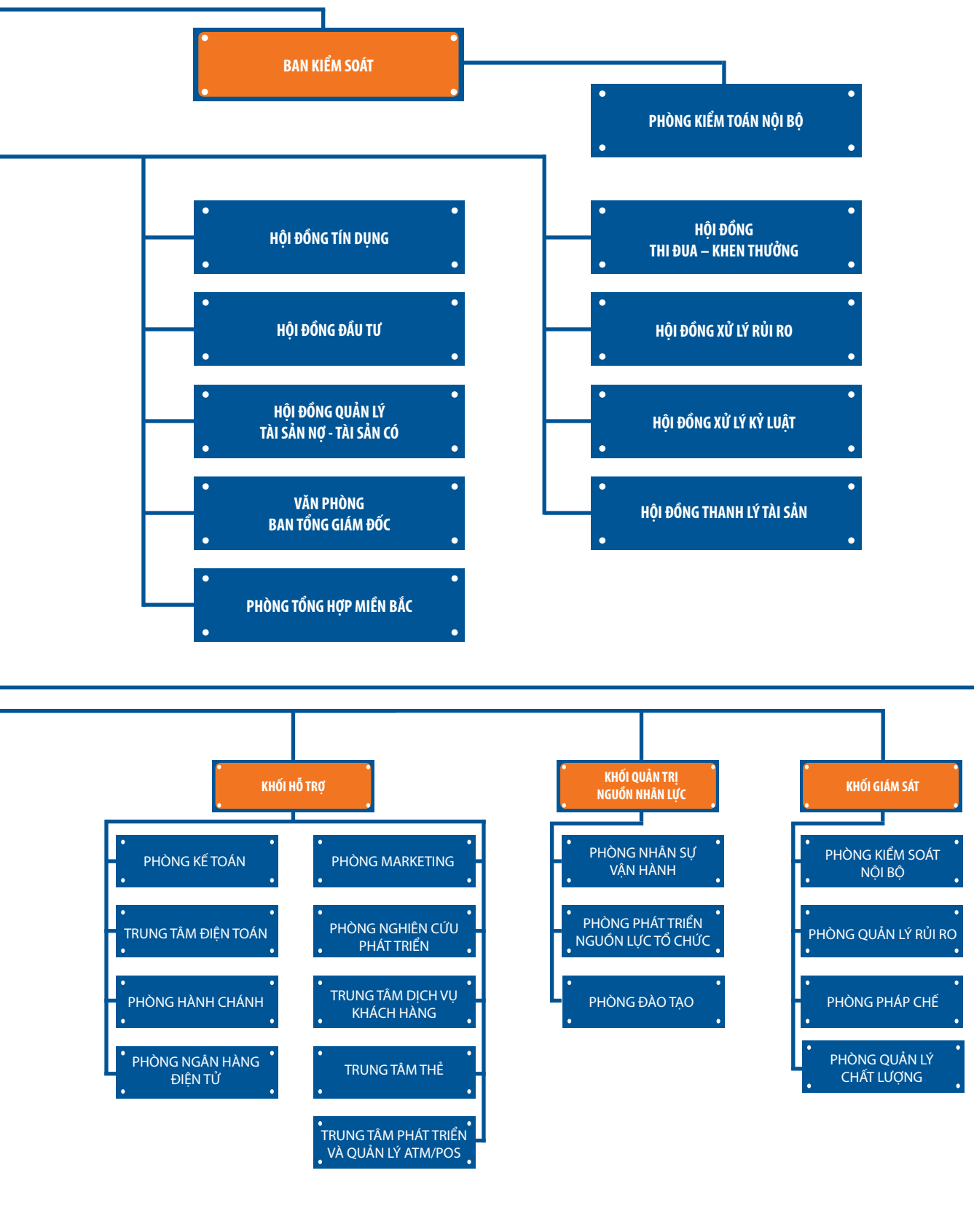
DongA Bank trở thành
“NGÂN HÀNG NỘI ĐỊA KINH DOANH NGOẠI HỐI TỐT NHẤT VIỆT NAM”
Công ty kiều hối Đông Á trở thành
“CÔNG TY TÀI CHÍNH TỐT NHẤT VIỆT NAM”

Do tạp chí Asian Banking & Finance bình chọn và trao tặng năm 2012



Sơ đồ tổ chức





Cơ cấu tổ chức DongA Bank

/// GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ÔNG PHẠM VĂN BỰ Chủ tịch HĐQT

Ông là Phó Chánh Văn phòng Thành ủy TP. HCM. Bên cạnh là chủ tịch HĐQT DongA Bank, ông còn là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM (Saigon Petro), Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Văn hóa Suối Tiên. Sinh năm 1953, tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Kỹ thuật trường Đại học Nông lâm TP. HCM, cử nhân kinh tế Ngoại thương trường Đại học Thương mại, Cao cấp chính trị tại Phân viện TP. HCM, ông là một gương mặt nổi bật trong nhiều vai trò và hoạt động về kinh tế xã hội của TP. HCM.

2. BÀ VŨ THỊ VANG Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

Bà nguyên là Phó Tổng Giám đốc Thường trực của ngân hàng ngay từ những ngày đầu thành lập cho đến khi giữ vai trò là Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT. Sinh năm 1958, tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. HCM khoa Kinh tế Thương nghiệp, bà đã cống hiến trọn vẹn kiến thức, kinh nghiệm và tâm huyết của mình cho sự phát triển của DongA Bank. Hiện nay bà là Bí thư Đảng bộ của DongA Bank, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á, Thành viên HĐQT Công ty Cấp nước Gia Định. Bà vinh dự nhận được Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Thống đốc NHNNVN, Chiến sĩ thi đua toàn ngành ngân hàng...

3. ÔNG TRẦN PHƯƠNG BÌNH Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông là người đã gắn bó với DongA Bank ngay từ những ngày đầu thành lập, người đặt nền móng và dẫn dắt cho sự phát triển cho Ngân hàng đến ngày hôm nay. Hiện nay Ông là Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc DongA Bank. Ông Bình tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực giảng dạy kinh tế trước khi tham gia quản trị tài chính ngân hàng. Ông Bình là người sáng lập và đang giữ nhiều vị trí lãnh đạo quan trọng tại nhiều tổ chức xã hội và hội đoàn doanh nghiệp. Với nhiều thành quả trong các hoạt động và sự nghiệp quản trị của mình, ông đã nhận được rất nhiều các danh hiệu, giải thưởng và tôn vinh của Nhà nước và nhiều tổ chức.

4. ÔNG CAO SĨ KIÊM Ủy viên độc lập HĐQT

Sinh năm 1941, là Tiến sĩ Kinh tế, nguyên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ năm 1989 đến năm 1997. Ông là đại biểu Quốc hội khóa 12 và 13 từ năm 2006 đến nay. Từ năm 2012, ông là thành viên HĐQT Độc lập của DongA Bank.



5

5. ÔNG TRẦN THÀNH SƯƠNG Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1958, tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng trường Đại học Bách khoa TP. HCM, Cao cấp lý luận chính trị trường Đảng Nguyễn Ái Quốc. Hiện nay ông là Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kinh doanh nhà Phú Nhuận, Ủy viên HĐQT DongA Bank.



6

6. ÔNG NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1948, tốt nghiệp cử nhân khoa học trường Đại học Tổng hợp TP. HCM ngành Kinh tế học. Hiện nay ông là Phó chủ tịch HĐQT Tổng công ty May Việt Tiến, Ủy viên HĐQT DongA Bank.



7

7. ÔNG TRẦN VĂN ĐÌNH Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1954, tốt nghiệp cử nhân Luật trường Đại học Luật Hà Nội. Hiện nay ông là Ủy viên HĐQT DongA Bank.



8

8. ÔNG ĐẶNG PHƯỚC DỪA Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1960, tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Quốc gia Hà Nội _ Viện nghiên cứu tài chính _ Đại học Help (Malaysia). Hiện nay ông là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Vật tư Kỹ thuật Rexco, Ủy viên HĐQT Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận, Ủy viên HĐQT DongA Bank.

Cơ cấu tổ chức DongA Bank

/// GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



1

1. BÀ NGUYỄN THỊ CÚC **Trưởng Ban kiểm soát**

Sinh năm 1960, tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế. Hiện nay bà là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận – PNJ, Trưởng ban kiểm soát DongA Bank



2

2. ÔNG NGUYỄN VINH SƠN **Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm 1959, tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM khoa Thương nghiệp. Hiện nay ông là Thành viên Ban kiểm soát DongA Bank



3

3. BÀ PHAN THỊ TỐ LOAN **Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm 1970, tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM. Hiện nay bà là Thành viên Ban kiểm soát DongA Bank.



Cơ cấu tổ chức DongA Bank

/// GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. ÔNG TRẦN PHƯƠNG BÌNH Tổng Giám đốc

Ông là người đã gắn bó với DongA Bank ngay từ những ngày đầu thành lập, người đặt nền móng và dẫn dắt cho sự phát triển cho Ngân hàng đến ngày hôm nay. Hiện nay Ông là Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc DongA Bank. Ông Bình tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực giảng dạy kinh tế trước khi tham gia quản trị tài chính ngân hàng. Ông Bình là người sáng lập và đang giữ nhiều vị trí lãnh đạo quan trọng tại nhiều tổ chức xã hội và hội đoàn doanh nghiệp. Với nhiều thành quả trong các hoạt động và sự nghiệp quản trị của mình, ông đã nhận được rất nhiều các danh hiệu, giải thưởng và tôn vinh của Nhà nước và nhiều tổ chức.

2. NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN Phó Tổng Giám đốc thường trực

Về công tác tại DongA Bank ngay khi vừa tốt nghiệp Đại học, bà đã có cơ hội lần lượt thách thức tại các vị trí công tác khác nhau. Bằng sức trẻ, sự nhanh nhạy và quyết đoán, bà đã cùng tập thể DongA Bank gặt hái nhiều thành quả, đặc biệt trong lĩnh vực thanh toán quốc tế, khách hàng doanh nghiệp, công tác nhân sự... Sinh năm 1970, tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, bà vinh dự là Đảng viên xuất sắc, nhận Bằng khen của Thống đốc NHNN Việt Nam, Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu cùng với nhiều giải thưởng và danh hiệu khác cho quá trình cống hiến của mình vì sự phát triển của DongA Bank trong suốt 20 năm qua.

3. BÀ NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN Phó Tổng Giám đốc

Có kinh nghiệm hơn 12 năm làm việc trong cơ quan Nhà nước về lĩnh vực thương nghiệp tại một đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu lớn tại TP. HCM, bà Xuyên tích lũy được nhiều kinh nghiệm và kiến thức toàn diện về quản lý nhà nước, sự thấu hiểu hoạt động doanh nghiệp. Những điều đó đã giúp Bà có nhiều thuận lợi trong tiếp cận, trao đổi và thương lượng với doanh nghiệp khi bắt đầu công tác tại DongA Bank trong vị trí phụ trách về tín dụng. Hiện nay, bà Xuyên đang đảm nhận phụ trách Khối Kinh doanh của Ngân hàng – lĩnh vực vốn đòi hỏi kinh nghiệm dày dặn, tính linh hoạt và quyết đoán trước sự thay đổi nhanh chóng và phức tạp của thị trường. Sinh năm 1958, tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, với bề dày 16 năm công tác tại DongA Bank, Bà Xuyên vinh dự là Đảng viên xuất sắc, Chiến sĩ thi đua Ngành Ngân hàng và nhận được nhiều Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban Nhân dân TP. HCM.

4. ÔNG NGUYỄN AN Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1969, gia nhập đội ngũ DongA Bank ngay sau khi tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng chuyên ngành Ngân hàng, đến nay, Ông An đã có kinh nghiệm trong gần 20 năm công tác, qua nhiều vị trí khác nhau tại các đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống. Đặc biệt, ông An có nhiều kinh nghiệm về phương thức triển khai và phát triển kinh doanh cho các đơn vị tại nhiều đặc điểm địa bàn khác nhau. Được tin nhiệm bởi sự nhanh nhạy, xông xáo, linh hoạt và đóng góp lớn cho Ngân hàng trong việc mở rộng thị trường, ông An vinh dự nhận được nhiều danh hiệu thi đua của DongA Bank. Ngoài các hoạt động của Ngân hàng, Ông An còn tham gia các hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp.



5. ÔNG TRẦN ĐẠO VŨ

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1970, tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và bắt đầu làm việc cho DongA Bank vào năm 1994. Trải qua nhiều vị trí tại các đơn vị kinh doanh trong hệ thống của DongA Bank, ông Vũ tích lũy được nhiều kinh nghiệm về mở rộng phát triển kinh doanh. Ông am hiểu sâu sắc về tâm lý khách hàng, các đặc điểm văn hóa, kinh doanh của Hà Nội nói riêng và khu vực Miền Bắc nói chung. Sự có mặt và phát triển của thương hiệu DongA Bank tại khu vực phía Bắc mang đậm dấu ấn đóng góp của ông. Với bề dày hoạt động, Ông Vũ được vinh dự nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các danh hiệu thi đua của DongA Bank. Ngoài các hoạt động của Ngân hàng, Ông Vũ còn tham gia các hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp như Hội Doanh nghiệp Trẻ, Câu lạc bộ Doanh nhân Việt Nam...

7. ÔNG LƯƠNG NGỌC QUÝ

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lương Ngọc Quý sinh năm 1974, là Thạc sĩ Tài Chính – Ngân hàng Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe (Pháp) năm 2010, Cử nhân Ngoại ngữ Đại học Khoa học Xã hội & Nhân Văn năm 2005, Thạc sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM năm 2004, cử nhân Kỹ Thuật Tin Học của đại học Bách Khoa Hà Nội năm 1999, cử nhân Tài chính – Kế toán Đại học Tài Chính – Kế Toán năm 1996. Gia nhập DongA Bank từ cuối năm 1996, ông có 7 năm là nhân viên tín dụng. Từ năm 2003 đến năm 2009, ông trải qua các vị trí Phó giám đốc Phòng tín dụng, giám đốc Phòng Chính sách Khách hàng và Giám đốc Phòng Tín dụng. Từ năm 2008-2009 ông kiêm nhiệm Giám đốc Khu vực Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên. Từ năm 2009 đến nay, ông là Phó Chủ tịch hội Đồng Tín dụng phụ trách Khu vực phía Bắc và kiêm nhiệm các chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bắc Giang (2010-2011), Giám đốc Chi nhánh Hà Nội (2010-2011) và Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Phúc (2012).

6. ÔNG NGUYỄN QUỐC TOÀN

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1973, tốt nghiệp đại học Ngân hàng, chuyên ngành Tín dụng năm 1995, lấy bằng Tài Chính – Kế toán ở Đại học Quốc gia năm 1998. Năm 1996, ông có sáu năm là nhân viên tín dụng của DongA Bank. Từ năm 2002 đến năm 2003, ông là trưởng phòng phân tích đầu tư tài chính – chứng khoán của công ty cổ phần TVH, và sau đó trở lại làm nhân viên tín dụng DongA Bank từ năm 2003 đến năm 2004. Từ năm 2005 đến năm 2006, ông là thành viên ban dự án Chuyển đổi công nghệ Core Banking. Từ năm 2007 đến 2009, ông là phó phòng kiểm soát nội bộ và tiếp tục giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ trong hai năm, từ 2009 đến 2011. Từ năm 2011 đến tháng 4 năm 2012, ông là Giám đốc khối Giám sát hoạt động. Từ năm 2012 đến nay, ông giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc.

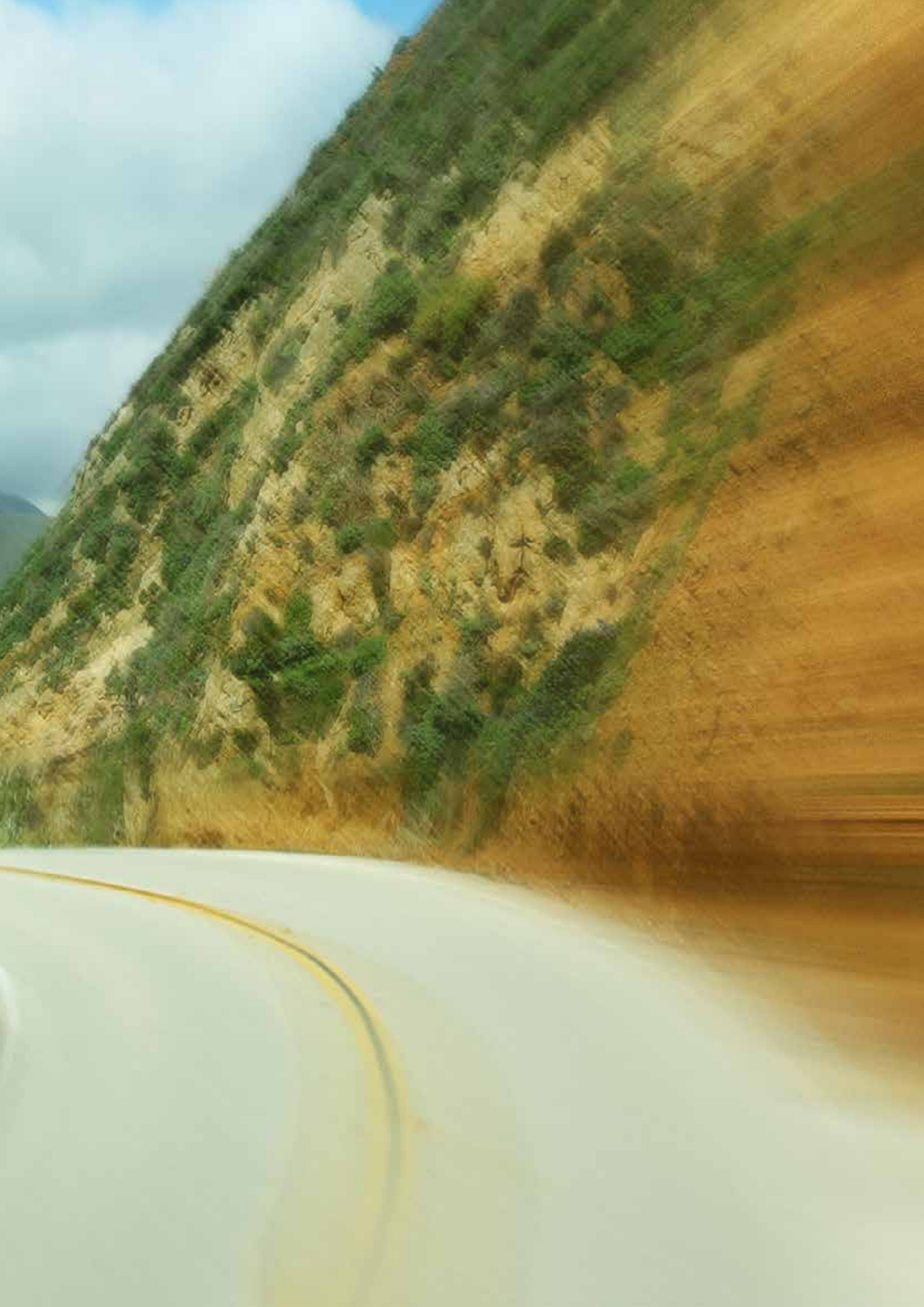
8. ÔNG LÊ TRÍ THÔNG

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1979, ông Lê Trí Thông tốt nghiệp hạng ưu chương trình MBA tại ĐH Oxford và kỹ sư công nghệ hóa học. Ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý khác nhau tại các tập đoàn quốc tế cũng như các tổ chức và doanh nghiệp tại Việt Nam. Gia nhập DongA Bank năm 2008, ông hiện đang đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc - DongA Bank, Chủ tịch HĐQT Công ty Kiểu Hối Đông Á, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thẻ Thông Minh ViNa – V.N.B.C. Ông hiện đang đồng thời giữ vị trí lãnh đạo tại nhiều hội đoàn doanh nghiệp và xã hội. Với những thành tích nổi bật ông được bầu chọn là “Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu 2010” và nhiều giải thưởng về thành tích quản trị doanh nghiệp và nghiên cứu học thuật của mình.

“Chắc tay lái, vững mục tiêu”





Kết quả hoạt động 2012

/// BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT



Năm 2012 là năm khởi đầu cho tiến trình thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2012 - 2020 và cũng là năm kỷ niệm 20 năm ngày thành lập đánh dấu chặng đường 20 năm hình thành và phát triển DongA Bank (1/7/1992 – 1/7/2012).

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng nợ công tại Châu Âu và hầu hết các khu vực kinh tế trên thế giới đều tăng trưởng chậm lại, nền kinh tế Việt Nam cũng đối diện với nhiều khó khăn cả nội tại lẫn do tác động từ bên ngoài. Lạm phát mặc dù liên tục giảm tốc và đạt mức 6,81% vào cuối năm nhưng vẫn còn ở mức cao so với thế giới. Ngay từ đầu năm 2012, Hội đồng quản trị DongA Bank đã tập trung tái xác lập chiến lược kinh doanh theo hướng tăng trưởng bền vững, chuẩn bị cho tiến trình hoàn chỉnh cơ cấu và hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác quản trị rủi ro và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

Cùng với việc thực thi nghiêm túc các quy định của NHNN về hạn chế tăng trưởng tín dụng, về trần lãi suất huy động, về các chỉ số an toàn tài chính góp phần kiểm chế lạm phát cao, đồng thời chia sẻ khó khăn với khách hàng, nên tốc độ tăng trưởng năm 2012 của DongA Bank chậm lại so với những năm trước và chưa đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra từ đầu năm nhưng vẫn cao hơn so với mức tăng trưởng chung của toàn ngành. Một trong những mặt làm được trong năm

là DongA Bank đã kiên quyết xử lý nhiều khoản nợ xấu và đã đảm bảo hầu hết các chỉ số an toàn tài chính theo đúng quy định.

Đối với các công ty trực thuộc, Công ty Kiều hối Đông Á có lợi nhuận trước thuế năm 2012 là 25,6 tỷ đồng trong khi Công ty Chứng khoán Đông Á và Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Đông Á lỗ 41 tỷ đồng do giá cổ phiếu giảm mạnh.

Trước tình hình ngành ngân hàng có nhiều biến động, DongA Bank đã thuê tư vấn chiến lược nước ngoài (The Boston Consulting Group - BCG) để tư vấn cho ngân hàng về chiến lược tổng thể trong giai đoạn 2012-2020.

Cùng với tổ chức tư vấn chiến lược nước ngoài, DongA Bank đã thành lập Ủy ban xây dựng và thực hiện chiến lược với đội ngũ nhân sự nội bộ và tuyển mới để cùng làm việc với các chuyên gia tư vấn trong giai đoạn xây dựng chiến lược.

Trong năm, ngân hàng đã triển khai thành công dự án tái cấu trúc trung tâm dữ liệu và đã ảo hóa gần 90% hạ tầng công nghệ thông tin hiện tại của Ngân hàng; cơ bản hoàn thiện các quy trình quản trị dịch vụ công nghệ thông tin (Information Technology Service Management - ITSM) và đưa vào áp dụng, giúp cho việc vận hành hệ thống công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tính ổn định, an toàn



cao. Công tác quản trị rủi ro đã tiếp nhận và xây dựng kế hoạch thực thi gói giải pháp mà ban tư vấn chiến lược BCG đưa ra, tạo một nền tảng vững chắc và là tiền đề quan trọng để xây dựng hệ thống quản trị rủi ro bền vững cho các năm tiếp theo.

DongA Bank cũng đã tập trung xây dựng đội ngũ bán hàng và phân cấp điều hành cho từng khu vực, từng chi nhánh để phát huy tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân theo hạn mức đã được ủy quyền. Mặt khác, cuối năm 2012, DongA Bank đã đổi mới công tác xây dựng và điều hành kế hoạch hàng năm gắn với mục tiêu chiến lược tổng thể toàn ngân hàng.

Về kênh phân phối, trong năm 2012 ngân hàng đã đánh giá lại thực trạng mạng lưới hoạt động của toàn ngân hàng, trong đó tập trung tái sắp xếp lại hệ thống ATM để mang lại sự thuận lợi cho khách hàng và quản lý chi phí hiệu quả hơn trước. Về việc phát triển mạng lưới, ngân hàng chỉ tăng thêm một quỹ tiết kiệm, nâng tổng số điểm giao dịch đến cuối năm 2012 lên 240 điểm.

Trong 20 năm qua, công tác quản trị nhân sự luôn được ngân hàng đặt ưu tiên hàng đầu và được thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2012. Bên cạnh việc đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, ngân hàng còn chú trọng đào tạo về nhận thức cho tất cả cán bộ cấp quản lý của ngân hàng nhằm giúp cho CBNV nhận thức sâu sắc hơn vai trò,

trách nhiệm của mỗi cá nhân, hợp tác thân thiện và hiệu quả, tăng cường sức cạnh tranh cho DongA Bank.

Bước vào năm 2013, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, DongA Bank cần phải tiếp tục hoàn thiện các yếu tố nền tảng, đổi mới và phát triển phương pháp quản trị ngân hàng, đặc biệt là quản trị rủi ro, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, xây dựng đội ngũ bán hàng hiệu quả và đặc biệt là chương trình nâng cao bán hàng và dịch vụ tại các chi nhánh.

Bên cạnh đó, DongA Bank cũng sẽ tập trung cấu trúc lại danh mục đầu tư, nâng cao các hoạt động có nguồn thu ngoài lãi, xây dựng và thực thi các chương quản lý chi phí hiệu quả, nhằm tạo thêm giá trị gia tăng cho khách hàng, tăng thu nhập cho ngân hàng, tăng cổ tức cho cổ đông và từng bước cải thiện mức sống cho CBNV trên phạm vi toàn hệ thống.

Với những chuẩn bị về mặt nền tảng và định hướng chiến lược năm 2013 là tiếp tục **“Đổi mới và Phát triển”**, DongA Bank tin rằng sẽ thực hiện được tiến trình tái cấu trúc, đáp ứng tốt các yêu cầu trong công cuộc tái cấu trúc ngành ngân hàng của Chính phủ trong thời gian tới cũng như thực hiện được chiến lược phát triển cho giai đoạn 2012 – 2015 của DongA Bank.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết quả hoạt động 2012

/// BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BỐI CẢNH KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ VIỆT NAM TRONG NĂM 2012

Tổng quan tình hình kinh tế

Kinh tế thế giới năm 2012 tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng nợ công tại Châu Âu. GDP toàn cầu chỉ tăng 3,3%, thấp hơn mức 3,8% của năm 2011, do tăng trưởng thấp tại Mỹ và châu Âu khi mà hai khu vực kinh tế lớn này vẫn gặp khó khăn trong việc tái cân bằng thu chi tài chính. Tăng trưởng thấp và bất ổn tại các nước phát triển cũng đang tác động đến các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển thông qua các hoạt động thương mại và đầu tư. Hầu hết các khu vực kinh tế trên thế giới đều tăng trưởng chậm lại, trong khi các ngân hàng trung ương ồ ạt bơm tiền để kích thích kinh tế.

Đối với kinh tế trong nước, định hướng điều hành nền kinh tế hướng tới mục tiêu “kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô” của Chính phủ đã đạt được những thành công nhất định: Lạm phát liên tục giảm tốc và đạt mức 6,81% vào cuối năm; Cán cân thương mại hàng hóa lần đầu tiên thặng dư kể từ năm 1993; Cán cân thanh toán đạt mức thặng dư kỷ lục 10 tỷ USD; Kiều hối chuyển về Việt Nam đạt 10 tỷ USD, tăng khoảng 1 tỷ USD so với cả năm 2011; Tỷ giá có một năm ổn định hiếm có; Dự trữ ngoại hối tăng lên hơn gấp đôi so với hồi đầu năm; Xuất khẩu đạt 114,6 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm 2011; Xuất siêu 284 triệu USD; Tổng đầu tư toàn xã hội tăng 7% so với năm trước và bằng 33,5% GDP (là năm có tỷ trọng vốn đầu tư so với GDP đạt thấp nhất kể từ năm 2000 trở lại đây).

Tuy nhiên, những điểm sáng của kinh tế vĩ mô năm 2012 vẫn chỉ mang tính tạm thời chứ chưa xác nhận cho một xu hướng phát triển bền vững. Các nỗ lực kiềm chế lạm phát đã phải đánh đổi bằng việc kinh tế Việt Nam rơi vào thời kỳ trì trệ. GDP chỉ tăng trưởng 5,03% (thấp nhất kể từ sau năm 1999); Bội chi ngân sách nhà nước tiếp tục ở mức cao (4,8% GDP); Dòng vốn FDI sụt giảm; Các chỉ số sản xuất và tiêu dùng giảm sút trầm trọng trong khi hàng tồn kho tăng mạnh trong thời gian dài; Hầu hết các doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn với tổng số doanh nghiệp giải thể hoặc ngừng hoạt động trong năm lên đến khoảng 55.000 doanh nghiệp; Thị trường chứng khoán ảm đạm; Thị trường bất động sản tiếp tục tuột dốc.

Tình hình hoạt động ngành ngân hàng

Năm 2012, NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ và thận trọng, phân nhóm ngân hàng và giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo bốn mức, kiểm soát tổng phương tiện thanh toán ở mức thấp, ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. Nhờ đó, hoạt động của thị trường tài chính tiền tệ đã từng bước ổn định. Tổng phương tiện thanh toán



tăng đến 22,4% nhưng dư nợ chỉ tăng 8,91%, là mức thấp nhất trong 20 năm trở lại đây. Lãi suất huy động và cho vay liên tục giảm nhưng mức độ cạnh tranh về lãi suất huy động vẫn rất cao do thanh khoản một số ngân hàng nhỏ mất ổn định. Tổng tài sản toàn ngành chỉ tăng 2,54%, trong đó khối ngân hàng thương mại cổ phần bị giảm 4,54% so với năm 2011.

Nợ xấu được công bố của toàn hệ thống cuối năm 2012 lên mức 7,8% tổng dư nợ, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của các ngân hàng. Một số ngân hàng cũng chịu lỗ từ việc tất toán các khoản huy động vàng. Lợi nhuận toàn ngành ngân hàng sụt giảm gần 50% so với năm 2011, đa số các ngân hàng đều có lợi nhuận giảm và không hoàn thành kế hoạch trong năm 2012.

Vấn đề sở hữu chéo ngày càng gây ra nhiều bất cập. Trong năm 2012, NHNN tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hệ thống ngân hàng bằng việc hợp nhất, sáp nhập các ngân hàng hoạt động yếu kém, nhằm đảm bảo tính an toàn và minh bạch của toàn hệ thống.

Tuy nhiên, so với giai đoạn cuối năm 2011 thì ngành ngân hàng cũng có những chuyển biến tích cực. Tình hình thanh khoản của hệ thống đã có sự cải thiện đáng kể, nguy cơ đổ vỡ hàng loạt từ cuối năm 2011 được đẩy lùi. Làn sóng sáp nhập, hợp nhất trong ngành ngân hàng cũng diễn ra mạnh mẽ và được kỳ vọng sẽ góp phần tăng sự ổn định và tính minh bạch của ngành.

Cán cân thanh toán đạt
mức thặng dư kỷ lục

10 Tỷ USD

Xuất khẩu tăng

18,3%

Tổng đầu tư
toàn xã hội tăng

7%

Xuất siêu tăng

284
triệu USD

Kết quả hoạt động 2012

/// BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH 2012

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị tính: tỷ đồng

Thời điểm cuối năm	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng tài sản	34.713	42.520	55.873	64.738	69.278
Vốn chủ sở hữu	3.515	4.176	5.420	5.814	6.104
Trong đó vốn điều lệ	2.880	3.400	4.500	4.500	5.000
Tổng nguồn vốn huy động	29.797	36.714	47.756	48.120	61.691
Tổng dư nợ cho vay	25.571	34.356	38.321	44.003	50.650
Cả năm					
Lợi nhuận trước thuế	703	788	858	1.256	777
Lợi nhuận sau thuế	539	588	659	947	577
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.871	1.914	1.932	2.105	1.192

Chỉ số tài chính

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu 9%	11,30%	10,64%	10,84%	10,01%	10,85%
Dư nợ cho vay/ tổng tài sản	73%	81%	68%	68%	73%
Dư nợ cho vay/ nguồn vốn huy động	85%	94%	80%	91%	82%
Tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ	2,55%	1,33%	1,60%	1,69%	3,95%
Thu nhập ngoài lãi/ tổng thu nhập hoạt động	43%	33%	28%	13%	10%
Tài sản có sinh lời/ tổng tài sản	86%	88%	82%	80%	85%
Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	18,01%	18,06%	18,58%	19,58%	11,2%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân (ROA)	1,69%	1,49%	1,40%	1,53%	0,83%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN

Tính đến 31/12/2012, tổng nguồn vốn huy động của DongA Bank đạt 61.691 tỷ đồng, tăng 13.570 tỷ đồng (tương ứng 28%) so với đầu năm. Cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng trưởng bền vững, nguồn vốn trung và dài hạn được cải thiện. Trong đó, huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 55.113 tỷ đồng, tăng 14.177 tỷ (tương ứng 34,6%) so với đầu năm trong khi toàn ngành tăng trưởng 20%. Huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư chiếm 89% trong tổng nguồn vốn huy động và chiếm 1,88% thị phần toàn ngành.

Đây là một thành quả đáng kể của DongA Bank, xét trong bối cảnh NHNN đã liên tục giảm trần lãi suất huy động từ 14% xuống chỉ còn 8% vào cuối năm nhằm hạ mặt bằng lãi suất cho vay hỗ trợ các doanh nghiệp. Đạt được kết quả trên là do DongA Bank đã có những sản phẩm mới và thực hiện các chương trình khuyến mãi đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, nguồn tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác đạt 5.874 tỷ đồng, tăng 140 tỷ đồng so đầu năm 2012 và nguồn vốn ủy thác đầu tư đạt 703 tỷ đồng, tăng 94 tỷ đồng (tương đương 15%) so với đầu năm.

HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG VỐN

Kết thúc năm 2012, tổng dư nợ cho vay và đầu tư đạt 56.600 tỷ đồng, tăng trưởng 9.242 tỷ đồng (tương ứng 20%) so với đầu năm.

■ Hoạt động tín dụng

Năm 2012, hoạt động tín dụng của ngành ngân hàng bị ảnh hưởng mạnh bởi những khó khăn chung của nền kinh tế, tăng trưởng âm trong 6 tháng đầu năm 2012, đến cuối năm 2012 chỉ tăng 8,91%.

Tính đến 31/12/2012, tổng dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 50.650 tỷ đồng, tăng 6.647 tỷ đồng (tương ứng tăng 15%) so với đầu năm 2012. Đây là kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng tín dụng, kích thích tăng trưởng kinh tế của ngành ngân hàng.

Tổng dư nợ cho vay khách hàng chiếm 73% tổng tài sản và chiếm 1,64% thị phần toàn ngành. Trong đó, dư nợ cho vay cá nhân đạt 13.103 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 25,87% tổng dư nợ cho vay.

Trong hoàn cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, DongA Bank đã giảm lãi suất cho vay theo định hướng của NHNN để hỗ trợ cho doanh nghiệp, về mức dưới 15% từ tháng 7 và tiếp tục giảm xuống 12% trong giai đoạn cuối năm. Ngoài ra, ngân hàng cũng điều hành hoạt động tín dụng theo hướng tăng cho vay phục vụ

sản xuất kinh doanh, ưu tiên bốn lĩnh vực Chính phủ khuyến khích và giảm dư nợ cho vay đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

Tuy nhiên, với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, hàng tồn kho cao, thị trường bất động sản đi xuống, chi phí tài chính cao dẫn đến nhiều doanh nghiệp thua lỗ và phá sản, DongA Bank cũng không tránh khỏi vấn đề chung của toàn ngành là nợ xấu tăng cao. Để xử lý vấn đề nợ xấu, DongA Bank đã thành lập Ban xử lý nợ của Hội sở và các đội xử lý nợ đặt tại các địa phương. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng đến 31/12/2012 là 3,95% (bình quân ngành 7,8%).

■ Hoạt động đầu tư:

Tính đến cuối năm 2012, tổng giá trị đầu tư đạt 4.941 tỷ đồng, chiếm 7,1% tổng tài sản.

- Hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán: tổng số dư cuối năm 2012 là 4.490 tỷ đồng, tăng 1.674 tỷ đồng (tương ứng 59%) so với năm 2011.
- Hoạt động đầu tư góp vốn mua cổ phần: tổng số dư đến 31/12/2012 là 451 tỷ đồng.

LÃI SUẤT VÀ THU LÃI THUẦN

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay theo xu hướng giảm dần từ đầu năm đến cuối năm, tuy nhiên biên độ lãi suất năm 2012 thấp hơn năm 2011 cùng với tình hình nợ quá hạn cao nên thu nhập lãi thuần của ngân hàng chỉ tăng 27 tỷ đồng, tương ứng 1,1%, so với năm 2011.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

Năm 2012, hoạt động kinh doanh ngoại hối lỗ 137 tỷ đồng, một phần nguyên nhân lỗ do ngân hàng phải đóng tài khoản vàng ở nước ngoài theo Thông tư 32/2011/TT-NHNN ngày 06/10/2011.

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VÀ THU PHÍ

■ Hoạt động thẻ và ATM/POS

Trong năm 2012, DongA Bank đã phát hành thêm được 593.700 thẻ thanh toán, giữ vị trí Top 4 các ngân hàng dẫn đầu thị trường về thị phần thẻ thanh toán với số lượng tài khoản thẻ đạt hơn 6 triệu thẻ.

Với mục tiêu phục vụ khách hàng tốt hơn và đảm bảo tính an toàn, hiệu quả, trong năm 2012, ngân hàng đã tái sắp xếp lại hệ thống máy ATM, chuẩn hóa hình ảnh



Kết quả hoạt động 2012

/// BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

buồng ATM. Tính đến cuối năm, tổng số máy ATM là 1.400 máy và tổng số thiết bị thanh toán POS là 1.500 máy, trong đó có 49 máy POS được lắp đặt trong năm 2012.

■ Hoạt động dịch vụ

Với mạng lưới hoạt động rộng khắp toàn quốc và luôn tăng cường năng lực đội ngũ bán hàng, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, bên cạnh một hệ thống ngân hàng điện tử hiện đại, doanh thu từ hoạt động dịch vụ trong năm của DongA Bank cũng tăng trưởng đáng kể.

Tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 528 tỷ đồng, tăng 62 tỷ đồng (tương ứng 13,3%) so với năm 2011. Trong đó, thu nhập từ dịch vụ thanh toán chiếm 63%, dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán chiếm 11,4% và dịch vụ chi trả kiều hối chiếm 11%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ năm 2012 đạt 408 tỷ đồng, tăng 26 tỷ (tương ứng 6,9%) so với năm 2011 và chiếm 14,68% trong tổng thu nhập thuần (năm 2011 tỷ lệ này là 13,4%). Đây cũng là một kết quả đáng kể của DongA Bank khi nhiều ngân hàng TMCP Top 10 bị giảm mạnh thu nhập từ hoạt động dịch vụ so với năm 2011.

Năm 2012, doanh số thanh toán quốc tế đạt 1.827 triệu USD, doanh số chuyển tiền đạt 10.305 tỷ đồng, doanh số thu chi hộ đạt 60.317 tỷ đồng và doanh số chi trả kiều hối đạt 1.397 triệu USD.

Ngoài các hoạt động dịch vụ truyền thống, dịch vụ ngân hàng điện tử (internet banking) tiếp tục được cải tiến đã đem đến cho khách hàng nhiều tiện ích và trải nghiệm mới, góp phần nâng cao nguồn thu dịch vụ của ngân hàng.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của DongA Bank năm 2012 đạt 1.408 tỷ đồng. Trong năm, do tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nợ quá hạn/nợ xấu tại các ngân hàng cũng tăng theo. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của các ngân hàng, Thống đốc NHNN đã chỉ đạo các ngân hàng phải trích dự phòng rủi ro đầy đủ khi có phát sinh nợ quá hạn/nợ xấu. Do đó, mặc dù lợi nhuận của ngân hàng đạt được khá cao nhưng phải trích chi phí dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định là 631 tỷ đồng nên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 777 tỷ đồng, giảm 38% so với năm 2011.

Ngoài ra, nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng, DongA Bank đã chủ động giảm lãi suất cho vay và theo định hướng của NHNN nên biên độ lãi suất bị giảm sút so với năm 2011.

Đây cũng là tình hình chung của hầu hết các ngân hàng thương mại trên cả nước. Theo báo cáo tổng kết của NHNN, năm 2012 tổng lợi nhuận của toàn ngành giảm gần 50% so với năm 2011, trong đó một số ngân hàng lớn có mức giảm lợi nhuận hơn 50% so với năm trước.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN VÀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

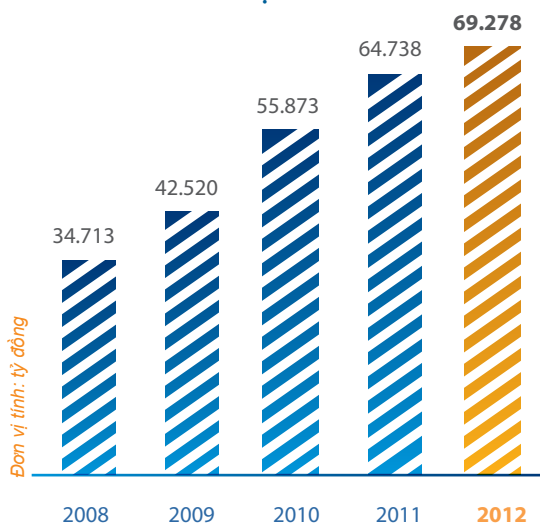
Với mục tiêu chiến lược phát triển bền vững đồng thời đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của NHNN và hướng đến các chuẩn mực quốc tế về an toàn tài chính, trong năm 2012, ngân hàng đã thực hiện tái cấu trúc cơ cấu tài sản Có – tài sản Nợ theo hướng tăng nguồn vốn huy động từ dân cư, cơ cấu danh mục tín dụng và đầu tư chứng khoán, kiên quyết xử lý các khoản nợ xấu không có khả năng thu hồi và thanh lý các khoản đầu tư không có hiệu quả. Các chỉ số an toàn đảm bảo theo quy định.

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR tăng từ mức 10,01% lên mức 10,85%.
- Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 11,2%.
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản bình quân (ROA) là 0,83%.
- Tỷ lệ tài sản có sinh lời/Tổng tài sản là 86%.

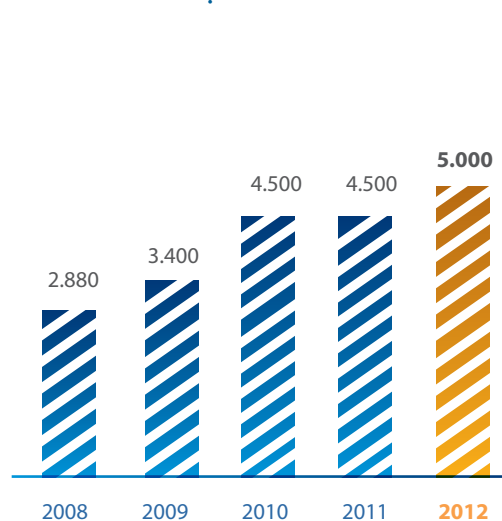
VỀ CỔ TỨC

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 577 tỷ đồng. Sau khi trích lập các Quỹ theo đúng quy định của NHNN, tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông không thể đạt được như kỳ vọng từ đầu năm. Năm 2012, ngân hàng dự kiến chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt 10%.

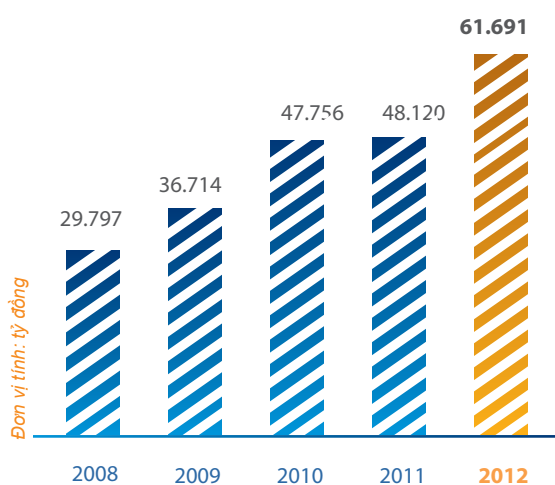
TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT



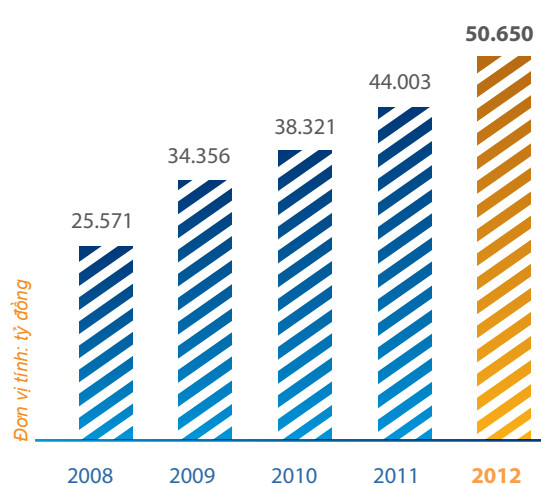
VỐN ĐIỀU LỆ



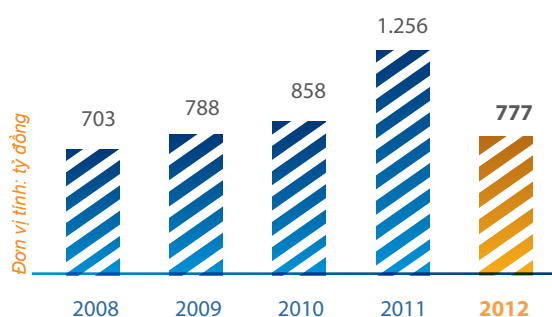
TỔNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG



TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



Định hướng phát triển 2013



Kinh tế năm 2013 được dự báo sẽ tiếp tục còn nhiều khó khăn. Thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp hơn và phần đầu tăng trưởng cao hơn năm 2012.

Năm 2013, DongA Bank tiếp tục định hướng mục tiêu: “ĐỔI MỚI và PHÁT TRIỂN”

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Biến chuyển DongA Bank; Xây dựng mô hình kinh doanh chiến lược mới
- Kiểm soát nợ xấu
- Nâng cao các nguồn thu phí
- Quản lý chi phí hiệu quả
- Làm giàu các mối quan hệ đối tác chiến lược



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Kế hoạch 2013	Mục tiêu tăng trưởng so với 2012
Tổng tài sản	85,000	23%
Vốn điều lệ	6,000	20%
Tổng huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư	72,000	31%
Tổng dư nợ cho vay	55,200	9%
Lợi nhuận trước thuế	1,000	29%
Chỉ tiêu an toàn hoạt động		
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	> 9%	
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	< 30%	
Tỷ lệ nợ xấu	< 3,5%	

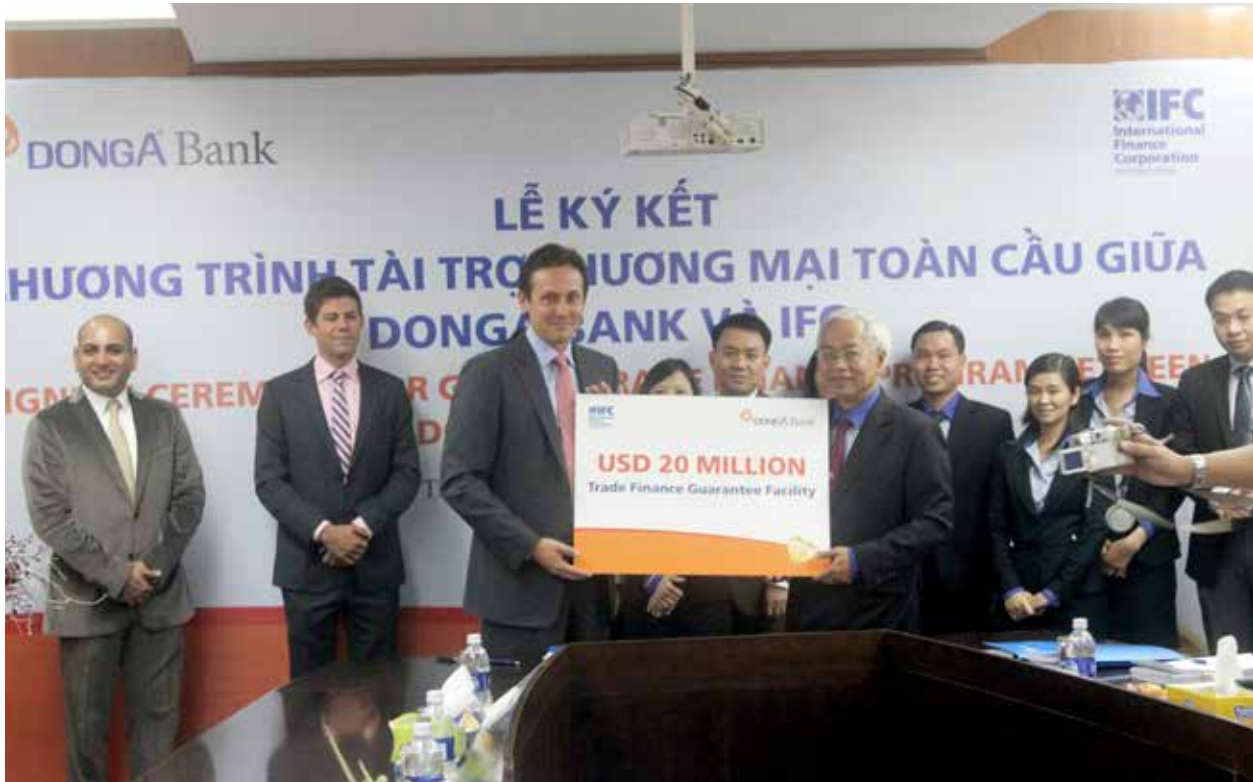
A blurred city street scene with a person in a suit in the foreground. The background shows a wide road with lane markings, trees, and buildings under a bright sky. The foreground shows the sleeve and cuff of a dark suit jacket with four buttons.

“Tự đổi mới, tạo thành công”



Những điểm nổi bật trong hoạt động năm 2012

/// HOẠT ĐỘNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP



Năm 2012 là năm mà nền kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn: lãi suất và các chi phí đầu vào khác tăng cao, cầu thị trường giảm mạnh, sản xuất đình đốn, hàng tồn kho tăng cao khiến nhiều doanh nghiệp suy yếu... Với truyền thống đồng hành trọn vẹn cùng khách hàng trong suốt 20 năm hoạt động vừa qua, trong năm 2012, DongA Bank tiếp tục có những hành động thiết thực để chia sẻ và cùng khách hàng doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

ĐỒNG HÀNH TRỌN VẸN CÙNG DOANH NGHIỆP

Trong năm 2012, trước tình hình lãi suất tăng cao gây áp lực về tài chính cho nhiều doanh nghiệp, Chính phủ và NHNN cùng các tổ chức tín dụng nỗ lực thực hiện cắt giảm lãi suất, đưa lãi suất về mức hợp lý để doanh nghiệp có thể tiếp cận vốn vay. Riêng DongA Bank đã chủ động cắt giảm thu nhập hàng chục tỷ đồng mỗi tháng để thực hiện chương trình giảm lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp trước khi NHNN yêu cầu các tổ chức tín dụng phải giảm dần lãi suất cho vay.

Bên cạnh đó, DongA Bank đã cùng với khách hàng doanh nghiệp thực hiện rà soát hoạt động kinh doanh và tính toán lại việc sử dụng vốn được tối ưu nhất. Tùy tình hình cụ thể từng doanh nghiệp, DongA Bank lên kế hoạch giãn tiến độ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho phù hợp với dòng tiền, giảm lãi suất nhằm giảm chi phí đầu vào và khai thông đầu ra cho khách hàng... Đồng thời, DongA Bank đã thực hiện cải tiến quy trình tín dụng, rút ngắn thời gian duyệt hồ sơ để khách hàng tiếp cận nguồn vốn nhanh hơn.

Ngoài ra, để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn vay và phát triển thêm khách hàng mới, từ tháng 6/2012, DongA Bank khởi động chương trình vốn vay ưu đãi 1.000 tỷ đồng dành cho Hội doanh nhân trẻ TP. HCM (YBA), trong đó



dành ra cho vay tín chấp 100 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi. Những hoạt động chia sẻ và đồng hành của DongA Bank với doanh nghiệp góp phần giúp tình hình hoạt động của nhiều khách hàng được cải thiện đáng kể.

Về mảng hoạt động thanh toán quốc tế, trong năm 2012, DongA Bank tiếp tục đẩy mạnh hoạt động dịch vụ này trên toàn hệ thống và đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Doanh số thanh toán quốc tế cả năm đạt 1.826 tỷ USD. Tỷ lệ công điện thanh toán chuẩn gửi đi nước ngoài luôn đạt trên 99% và không để xảy ra sai sót gây tranh cãi với ngân hàng nước ngoài. Đối với các hồ sơ phát sinh trễ trong ngày, DongA Bank vẫn cố gắng xử lý để rút ngắn thời gian thanh toán cho khách hàng.

DongA Bank cũng đã mở rộng phát triển các mối quan hệ với các định chế tài chính nước ngoài như IFC, Standard Chartered, Deutsche Bank, Wells Fargo Bank, Commerce Bank, JP Morgan Chase, ADB, BIO, DEG, EIB, FMO... trong việc tìm kiếm các hạn mức tài trợ thương mại, nguồn vốn giá rẻ cho khách hàng doanh nghiệp của DongA Bank. Trong năm 2012, DongA Bank và Công ty Tài chính quốc tế (IFC) đã ký kết hợp đồng bảo lãnh tài trợ thương mại có tổng trị giá bảo lãnh là 20 triệu USD, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu DongA Bank trên thị trường quốc tế.

Trước tình hình nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2013, DongA Bank đã chủ động xây dựng các chương trình cụ thể để tiếp tục đồng hành gắn bó với khách hàng vượt qua khó khăn, giữ vững được niềm tin và chữ tín đối với khách hàng mà DongA Bank đã gây dựng được trong suốt 20 năm hoạt động. Đối với hoạt động cho vay doanh nghiệp, DongA Bank sẽ tập trung vào phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong các ngành nghề xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp nông thôn... Đặc biệt, DongA Bank sẽ đưa ra cách tiếp cận mới về hỗ trợ tài chính theo chuỗi cung ứng, đẩy mạnh các mảng hoạt động về dịch vụ, tiện ích sản phẩm, gói sản phẩm phù hợp với từng phân khúc tạo sự gắn kết toàn diện giữa khách hàng với DongA Bank.

Những điểm nổi bật trong hoạt động năm 2012

/// HOẠT ĐỘNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

KHÔNG NGỪNG HOÀN THIỆN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Trong năm 2012, Khối Khách hàng cá nhân đã từng bước hoàn thiện các nền tảng để phát triển mạnh mẽ tín dụng như: ban hành khung hạn mức tín dụng tín chấp dành cho một khách hàng cá nhân, rà soát và ban hành bộ tài liệu thẻ tín dụng (gồm 1 quy định, 1 quy trình và 7 hướng dẫn), triển khai báo cáo hỗ trợ quản lý thẻ tín dụng, triển khai quy trình phối hợp giữa Khối khách hàng cá nhân và các đơn vị kinh doanh trong việc quản lý thu hồi nợ thẻ tín dụng... Từ tháng 9/2012, thời gian phát hành thẻ tín dụng chỉ còn bảy ngày làm việc.

Kết quả phát triển thẻ tín dụng đã phần nào minh chứng cho nỗ lực không mệt mỏi của Khối khách hàng cá nhân và các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống, khi chỉ riêng trong năm 2012, số lượng thẻ tín dụng phát hành mới đã tăng 163% so với cuối năm 2011.

Bên cạnh đó, để góp phần gia tăng sự hài lòng của khách hàng, gia tăng sự trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng các sản phẩm dịch vụ của DongA Bank, năm 2012 Khối đã không ngừng rà soát các quy trình sản phẩm hiện hữu, điều chỉnh các điểm bất cập, và đưa ra các tiện ích, cải tiến mới nhằm mang lại sự hài lòng hơn nữa cho khách hàng như: máy ATM không nuốt thẻ khi nhập sai mã PIN 3 lần; triển khai chương trình trải nghiệm miễn phí hai tháng eBanking cho khách hàng mới; ban hành sổ tay hướng dẫn cài đặt Mobile Banking, triển khai tiện ích trích tiền tự động từ TKTG/TK Thẻ sang TK Tiết kiệm...

Kết quả từ năm 2012 cho thấy hoạt động có chiến lược và những con số bất phá vỡ sự vững chắc trong hoạt động phát triển khách hàng cá nhân. Đây là minh chứng quan trọng để DongA Bank thêm vững tin vào sự phát triển của hơn 6 triệu khách hàng cá nhân trong thời gian tới, tạo sự gắn kết toàn diện giữa khách hàng với DongA Bank.

CÁC SẢN PHẨM CÁ NHÂN MỚI VÀ NỔI BẬT TRONG NĂM 2012:

- **Tiết kiệm “Chấp cánh cho Con yêu”.** Đây không chỉ là sản phẩm giúp khách hàng tích lũy một số tiền cho con em trong tương lai mà còn thông qua việc sử dụng sản phẩm, các bậc phụ huynh giáo dục cho con em mình ý thức và hình thành thói quen tiết kiệm ngay từ nhỏ.
- **Tiết kiệm “Tích lũy cho Tương lai”.** Đây là sản phẩm giúp khách hàng chuẩn bị tài chính thật tốt, đặt nền tảng vững chắc cho tương lai tươi sáng của gia đình và bản thân.
- Để đáp ứng nhu cầu vay vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh cũng như tiêu dùng của một số nhóm khách hàng đặc thù như: thành viên Hội Liên hiệp Phụ nữ; Đối tượng chính sách; cán bộ hưu trí..., trong năm 2012, Khối Khách hàng cá nhân cũng đã hoàn thiện các quy trình hướng dẫn và ban hành một số sản phẩm cho vay tiêu dùng trả góp đặc thù để phục vụ các nhóm khách hàng này. Qua quá trình triển khai thực tế, các sản phẩm nhận được sự hài lòng và đánh giá cao từ các khách hàng.



- Quan tâm đến đối tượng khách hàng là sinh viên, mở rộng hợp tác với các trường đại học trên toàn quốc tiếp tục là hướng đi chiến lược của DongA Bank. Với thế mạnh dẫn đầu về công nghệ, năm 2012 DongA Bank đã triển khai thành công dịch vụ thu hộ học phí online qua các kênh điện tử với các trường đại học như: Đại học Kinh tế TP. HCM, Đại học Nha Trang, Đại học Kinh tế Đà Nẵng,...
- Nhằm góp phần chăm sóc và phục vụ các khách hàng sử dụng Thẻ Đa năng/Thẻ Tín dụng DongA Bank được tốt hơn, Khối khách hàng cá nhân đã triển khai thành công cộng đồng giảm giá dành cho chủ thẻ DongA Bank với hơn 100 điểm giảm giá và mức chiết khấu có nơi lên đến 40%.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM 2013:

- DongA Bank sẽ đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi hấp dẫn hơn, cùng chất lượng phục vụ được nâng lên. Hoạt động bán hàng, chăm sóc khách hàng ngày càng chuyên nghiệp, nhằm mang lại sự thỏa mãn cao hơn cho khách hàng, trên cơ sở đó giúp cho dịch vụ tiền gửi tiết kiệm tiếp tục tăng trưởng tốt.
- Tín dụng cá nhân, đặc biệt là tín dụng trả góp, tiếp tục được tập trung đẩy mạnh, đáp ứng rộng rãi nhu cầu tín dụng cá nhân của khách hàng. Hệ thống báo cáo quản lý sản phẩm tín dụng được nâng cấp và hoàn thiện, triển

SẢN PHẨM TIẾT KIỆM CHO TRẺ EM
CHẮP CÁNH CHO CON YÊU

Mới



Món quà ý nghĩa của Cha Mẹ dành cho con yêu!

khai hướng dẫn quy trình quản lý kinh doanh sản phẩm tín dụng trả góp đến từng đơn vị kinh doanh, là những nền tảng quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng trả góp phát triển hiệu quả.

- Triển khai hệ thống eBanking mới có giao diện cảm xúc và thân thiện, với những tiện ích nổi trội sẽ là điều kiện thuận lợi để dịch vụ eBanking tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn và phục vụ khách hàng tốt hơn nữa.
- Quy trình vận hành kinh doanh thẻ tín dụng đang từng bước hoàn thiện và đi vào ổn định, thời gian phát hành thẻ nhanh..., các đơn vị kinh doanh đã có kinh nghiệm phát triển thẻ tín dụng trong năm 2012, cộng đồng giảm giá ngày càng mở rộng sẽ là những nền tảng quan trọng giúp cho số lượng thẻ tín dụng phát hành trong năm tới có sự đột phá.
- Ngoài ra, hoạt động kết nối thanh toán hóa đơn tự động tiếp tục được đẩy mạnh nhằm mang lại cho khách hàng nhiều tiện ích hơn nữa để thỏa mãn tối đa nhu cầu thanh toán hóa đơn của khách hàng.



Chiến lược của DongA Bank là mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất khi sử dụng các dịch vụ của ngân hàng thông qua việc hoàn thiện và triển khai những sản phẩm dịch vụ ưu việt. Theo đó, năm 2012 là năm mà khối Khách hàng cá nhân chú trọng đầu tư vào quá trình hoàn thiện sản phẩm dịch vụ, hướng đến sự hài lòng và gia tăng sự trải nghiệm cho khách hàng.

Những điểm nổi bật trong hoạt động năm 2012

/// HOẠT ĐỘNG RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO



CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2012

Năm 2012 DongA Bank đã xây dựng, triển khai hàng loạt các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý rủi ro theo hướng tập trung, toàn diện và thống nhất. Công tác quản lý rủi ro được xem là một trong ba lá chắn vững chắc bên cạnh Kiểm toán nội bộ, Kiểm tra, kiểm soát nội bộ, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh, an toàn và hiệu quả.

Đồng thời, trong năm qua công tác quản lý rủi ro đã tiếp nhận và xây dựng kế hoạch thực thi gói giải pháp mà nhà tư vấn chiến lược BCG đưa ra, tạo nền tảng vững chắc và là tiền đề quan trọng để xây dựng hệ thống quản lý rủi ro bền vững cho các năm tiếp theo.

Theo đó, DongA Bank quản lý rủi ro trên nguyên tắc cẩn trọng, đảm bảo hài hòa mục tiêu lợi nhuận và an toàn đối với hoạt động kinh doanh. DongA Bank thực hiện quản lý rủi ro chiến lược, quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường thanh khoản và quản lý rủi ro hoạt động.

Công tác quản lý rủi ro của DongA Bank được triển khai và quán triệt xuyên suốt trên toàn hệ thống. Nhờ đó, các quy định của NHNN được DongA Bank tuân thủ nghiêm túc. Các hoạt động nghiệp vụ được quản lý, cảnh báo, giám sát chặt chẽ nhằm nhận diện, quản lý, và hạn chế

thấp nhất các rủi ro phát sinh thông qua báo cáo giám sát các chỉ số, giới hạn an toàn.

Bên cạnh đó, DongA Bank đã xây dựng các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro, mối liên hệ giữa công tác quản lý rủi ro và các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống; xây dựng công cụ đo lường rủi ro như: mô hình VaR trong công tác quản lý rủi ro tín dụng, ứng dụng BI Tool trong công tác quản lý rủi ro tín dụng, mô hình giám sát khoản vay nhằm ngăn chặn phát sinh nợ quá hạn, chương trình giám sát từ xa để đo lường giám sát, cảnh báo theo dõi tình hình tài chính của từng đơn vị kinh doanh....

Ngoài ra, DongA Bank cũng đã xây dựng chương trình tự đánh giá rủi ro hoạt động nhằm giúp các đơn vị tự chủ động nhận diện, đánh giá và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro hoạt động và đưa ra hướng dẫn về quản lý rủi ro độc lập.

DongA Bank đã thực hiện việc phân tích đánh giá thường xuyên các tác động của chính sách, biến động kinh tế vĩ mô đến hoạt động của ngân hàng và thực hiện phân tích ngành nghề mà DongA Bank đang cấp tín dụng cũng như định hướng cấp tín dụng. Đồng thời, DongA Bank tổng hợp, phân tích và có các cảnh báo kịp thời về các rủi ro sai phạm đối với các mặt nghiệp vụ của ngân hàng.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2013

Tiếp theo những nền tảng đã được xây dựng, triển khai trong năm 2012, năm 2013 DongA Bank tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp BCG đưa ra, nhằm tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và tiến đến tuân thủ các nguyên tắc của Basel về công tác quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Sau đây là một số mục tiêu lớn:

- Thành lập Khối Quản lý rủi ro (nâng cấp từ phòng Quản lý rủi ro) nhằm thể hiện tầm quan trọng và nâng cao vai trò, vị trí của công tác quản lý rủi ro, giúp ngân hàng đảm bảo rủi ro ở mức phù hợp, có kiểm soát góp phần tạo nên một mô hình hoạt động kinh doanh theo thông lệ quốc tế (Quản lý rủi ro là một trong bốn trụ cột của mô hình kinh doanh thành công).
- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro song hành cùng chiến lược kinh doanh; ban hành tuyên bố cấp cao về khẩu vị rủi ro, giới hạn, hạn mức rủi ro và giám sát liên tục.
- Thiết kế lại quy trình tín dụng theo hướng phê duyệt tập trung nhằm phân định rõ chức năng bán hàng, thẩm định, phê duyệt kiểm soát rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng; giúp các đơn vị chuyên môn hóa trong từng công đoạn: bán hàng, thẩm định, phê duyệt và quản lý rủi ro, hạn chế thấp nhất nợ quá hạn phát sinh, nâng cao khả năng cạnh tranh của DongA Bank trên thị trường và tiết giảm chi phí.
- Từng bước chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, là tiền đề để xây dựng, tính toán xác suất vỡ nợ và định giá dựa trên rủi ro.
- Đưa vào ứng dụng các công cụ đo lường rủi ro đã xây dựng, song song đó cải tiến cho phù hợp với từng tình hình thị trường và thực tế hoạt động kinh doanh tại DongA Bank.
- Xem xét, lựa chọn nhà tư vấn để tư vấn một số nội dung như: quản lý tài sản Nợ - Có, xây dựng mô hình tính EL và định giá dựa trên rủi ro đối với khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp trong công tác quản lý rủi ro tín dụng.
- Thực hiện hội thảo, truyền thông về công tác quản lý rủi ro, chương trình tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động để giúp các đơn vị hiểu rõ, nâng cao ý thức quản lý rủi ro cho từng đơn vị kinh doanh trong tác nghiệp hàng ngày và triển khai thực hiện. Qua đó, cải tiến nội dung đánh giá cho phù hợp và hiệu quả trong công tác phòng ngừa rủi ro hoạt động.
- Thực hiện nghiên cứu, tính toán hệ số Beta ngành ứng dụng trong công tác quản lý rủi ro danh mục tín dụng, định hướng xây dựng giới hạn cấp tín dụng cho từng ngành cụ thể.



Những điểm nổi bật trong hoạt động năm 2012

/// NHỮNG THÀNH TỰU CÔNG NGHỆ



NÂNG CAO TÍNH ỔN ĐỊNH, TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ

Trong bối cảnh nền kinh tế còn khó khăn, chính sách đầu tư được thắt chặt trong các tổ chức tài chính tín dụng, ảnh hưởng đến việc vận hành và đưa ra các dịch vụ mới của hệ thống công nghệ thông tin. Vì vậy, Trung tâm điện toán DongA Bank đã đưa ra phương châm hoạt động trong năm 2012 là “Nâng cao tính ổn định, tối ưu hóa chi phí” nhằm đảm bảo cho việc đầu tư và vận hành dịch vụ công nghệ thông tin đạt mức cao nhất có thể.

Năm 2011, DongA Bank đã triển khai thành công dự án tái cấu trúc trung tâm dữ liệu và đã ảo hóa gần 90% hạ tầng công nghệ thông tin hiện tại của ngân hàng. Bên cạnh việc tái cấu trúc trung tâm dữ liệu, DongA Bank đã cơ bản hoàn thiện các quy trình quản trị dịch vụ công nghệ thông tin (Information Technology Service Management - ITSM) và đưa vào áp dụng, giúp cho việc vận hành hệ thống công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế, nhằm đảm bảo tính ổn định, an toàn cao.

Năm 2012, các hạ tầng và quy trình công nghệ thông tin đã được đội ngũ kỹ sư của DongA Bank hoàn thiện và đưa lên mức cao hơn để chuẩn bị cho việc triển khai điện toán đám mây trong tương lai. Sự kết hợp giữa công nghệ ảo hóa với các quy trình quản trị dịch vụ công nghệ thông tin (ITSM)

dưới sự giám sát chặt chẽ của hệ thống quản lý an ninh thông tin (Information Security Management System - ISMS) đã giúp cho DongA Bank vận hành hệ thống công nghệ thông tin ổn định, an toàn và tiết kiệm nhiều chi phí, đem đến nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng thông qua các sản phẩm dịch vụ có tính ổn định, an toàn cao và công nghệ mới.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀO PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DỊCH VỤ

DongA Bank vẫn tự hào là ngân hàng đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp cho khách hàng nhiều loại hình giao dịch khác nhau như: Internet Banking, SMS, Mobile Banking ... trên hệ thống ngân hàng điện tử, hệ thống máy ATM với nhiều sản phẩm phong phú. Mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch trải dài trên toàn quốc luôn kết nối trực tuyến về trung tâm dữ liệu của ngân hàng để phục vụ khách hàng một cách nhanh nhất, tiện lợi nhất có thể.

Ngoài việc đưa ra các kênh giao dịch đa dạng dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, DongA Bank cũng chú trọng trong việc xây dựng các quy trình xử lý nội bộ dựa trên các phần mềm ứng dụng để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn như chương trình xét duyệt hạn mức tín dụng, quản lý tài sản đảm bảo...

Bên cạnh đó, DongA Bank tăng cường an toàn bảo mật trong việc khai thác, phát triển sản phẩm dịch vụ gắn liền với an toàn bảo mật cho tài sản của khách hàng. Do đó, tất cả sản phẩm dịch vụ khi được cung cấp cho khách hàng đều được kiểm tra kỹ lưỡng theo các tiêu chuẩn bảo mật của quốc tế và Việt Nam gồm: tiêu chuẩn ISO 27001:2005, tiêu chuẩn PCI DSS phiên bản 2.0, các quy định trong thông tư 01/2011/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước và các hướng dẫn của tài liệu “OWASP Testing Guide”...

Việc vận hành các sản phẩm dịch vụ được theo dõi đầy đủ thông qua hệ thống giám sát an ninh, tự động cảnh báo những nguy cơ tấn công từ bên ngoài cũng như trong nội bộ. Bên cạnh đó, DongA Bank cũng đã phối hợp với các tổ chức khác như Công ty Kiểm toán Ernst & Young và Cục công nghệ tin học Ngân hàng Nhà nước ... thực hiện kiểm tra an ninh bảo mật của hệ thống công nghệ thông tin mà DongA Bank đang vận hành, đảm bảo tiêu chí khách quan, tránh sai sót bằng cách thực hiện việc kiểm tra nhiều lần và từ nhiều phía khác nhau.

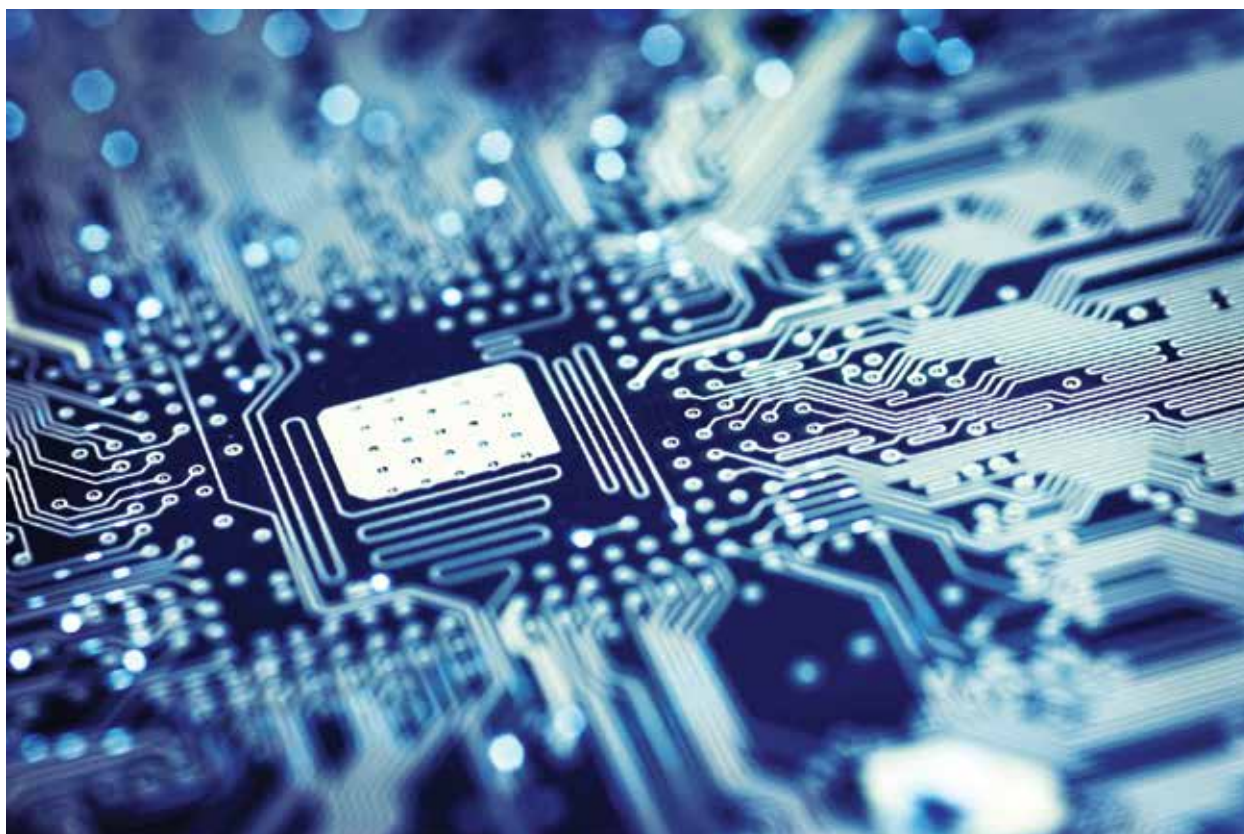
ĐỘI NGŨ NHỮNG “CON NGƯỜI CÔNG NGHỆ”

Trung tâm điện toán – DongA Bank là một tập hợp lực lượng trẻ, năng động và nhiệt huyết. Họ luôn tự tin trong việc triển khai các dịch vụ mới và hoàn toàn làm chủ được công nghệ, giúp cho

việc vận hành hạ tầng công nghệ thông tin luôn đạt mức tốt nhất mà không cần phải thuê ngoài.

Nhiều nhân sự của Trung tâm điện toán DongA Bank đã xuất sắc vượt qua các kỳ thi sát hạch quốc tế về công nghệ thông tin để đạt được những bằng cấp do các tổ chức quốc tế cấp như: bằng cấp về quản trị cơ sở dữ liệu Oracle, bằng cấp về quản trị mạng Cisco, bằng cấp về quản trị hệ điều hành Linux, bằng cấp về lập trình Java...

Đặc biệt, anh Phó Đức Giang – Trưởng phòng an ninh thông tin của DongA Bank – đã được vinh danh là một trong 10 lãnh đạo an ninh thông tin tiêu biểu của Đông Nam Á trong năm 2012 (CSO ASEAN Awards 2012). Đây là giải thưởng được Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông TP.HCM cùng Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT) tổ chức dưới sự bảo trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và Ủy ban Nhân dân TP.HCM.



Những điểm nổi bật trong hoạt động năm 2012

/// CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO



CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

Trong năm 2012, bên cạnh các gói phúc lợi theo qui định của pháp luật, DongA Bank đã gia tăng thêm các phúc lợi khác cho người lao động, bao gồm:

- Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ CBNV để bảo vệ cho CBNV khỏi những rủi ro có thể phát sinh trong quá trình làm việc
- Bảo hiểm sức khỏe cho cấp trưởng, phó phòng ban, chi nhánh trở lên, bao gồm chính sách khám bệnh ngoại trú và nội trú. Đối với cấp lãnh đạo chi nhánh/phòng ban Hội sở trở lên, bổ sung thêm bảo hiểm sức khỏe cho người thân (vợ/chồng & con ruột)
- Nâng gói khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng nhân viên
- Hiệu chỉnh tăng chế độ nghỉ mát dành cho CBNV
- Duy trì các chế độ phúc lợi khác từ công đoàn như: quà tặng sinh nhật, quà tặng cho CBNV nữ nhân dịp 8/3 và 20/10, quà tặng cho CBNV từng tham gia quân đội nhân dịp 22/12 và 27/7...

Trong năm 2012, DongA Bank tiếp tục thực hiện cơ chế khoán quỹ lương cho từng đơn vị. Cơ chế khoán quỹ lương đã phần nào tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong việc tạo động lực cho CBNV bằng cách thưởng cho những người có thành tích, kết quả làm việc tích cực một cách kịp thời, nhanh chóng. Với cơ chế khoán lương, DongA Bank

đang dần định hình văn hóa trả lương, thưởng theo biểu hiện và hiệu suất làm việc của cá nhân. Thu nhập bình quân của DongA Bank năm 2012 là 8,96 triệu đồng, tăng 9,26% so với năm 2011.

Năm 2013, cơ chế khoán lương sẽ được tiếp tục duy trì với những điểm cải thiện. Đồng thời hệ thống quản lý và đánh giá biểu hiện và hiệu suất làm việc của cá nhân cũng sẽ song hành cùng cơ chế khoán lương để đảm bảo mọi CBNV được đãi ngộ tương xứng với đóng góp của mình.

THU HÚT & LƯU GIỮ NHÂN TÀI

Tính đến hết ngày 31/12/2012, tổng số CBNV tại DongA Bank là 4.728 người – tăng 8,24% so với cùng kỳ năm 2011. Trong năm 2012, bên cạnh việc tuyển dụng bổ sung nhân sự cho hoạt động kinh doanh, DongA Bank cũng thực hiện việc tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực chuẩn bị cho lộ trình và công cuộc phát triển trong giai đoạn 2013 – 2020. Do đó, nguồn ứng viên DongA Bank hướng tới trong năm 2013 không chỉ là những ứng viên đáp ứng nhu cầu hiện tại của ngân hàng mà còn nhu cầu phát triển trong tương lai của ngân hàng.

Trong năm 2012, DongA Bank cũng đã xác định thực hiện việc thu hút và lưu giữ nguồn nhân lực thông qua các yếu tố như cơ hội phát triển nghề nghiệp và khả năng thăng tiến trong tương lai. Các chương trình đào tạo và phát triển các kỹ năng quản lý cho cán bộ nhân viên đương nhiệm và các CBNV qui hoạch cũng như cơ chế luân chuyển công việc và địa bàn được áp dụng nhằm giúp các cá nhân phát triển tối đa các năng lực và sở trường của bản thân.



ĐÀO TẠO

Với mục tiêu hoạt động của DongA Bank trong năm 2012 là ĐỔI MỚI và PHÁT TRIỂN, công tác đào tạo đã được Ban lãnh đạo ngân hàng đặc biệt quan tâm, đứng nghĩa là đầu tư cho nguồn nhân lực – là nguồn tài nguyên quý giá nhất góp phần quan trọng nhất vào sự thành công của bất kỳ tổ chức nào.

Chiến lược đào tạo trong giai đoạn 2012 – 2015 tập trung phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh ngân hàng có trình độ cao, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp tốt.

- Xây dựng và triển khai các chương trình phát triển lãnh đạo cả về kỹ năng lẫn nghiệp vụ chuyên môn
- Xây dựng và triển khai chương trình quản trị viên tập sự áp dụng cho cả ứng viên bên ngoài và ứng viên nội bộ để chuẩn bị nguồn nhân lực cho đội ngũ cấp trung
- Thực hiện các chương trình truyền thông và đào tạo nhằm giúp các cá nhân nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của bản thân trong hoạt động chung của ngân hàng
- Nâng cao kỹ năng quản lý điều hành cho đội ngũ cán bộ quản lý hiện tại thông qua các chương trình huấn luyện đào tạo và luân chuyển công việc

CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2012:

Số lượng CBNV được tham gia ít nhất một khóa đào tạo là 4.388 người, chiếm tỷ lệ 92,81% so với tổng số CBNV tính đến thời điểm 31/12/2012 là 4.728 người.

Chi phí sử dụng cho công tác đào tạo của cả năm 2012 là 3,35 tỷ đồng, chưa kể chi phí tiền lương đã trả cho học viên trong thời gian tham gia đào tạo.

Với định hướng chiến lược kinh doanh chủ yếu tập trung huy động vốn, kế hoạch đào tạo được phân bổ trong năm 2012 như sau:

- Đào tạo nhận thức vai trò nhiệm vụ - kiến thức về ngành tài chính ngân hàng – và nâng cao kỹ năng lập và quản lý kế hoạch bán hàng cho nhân sự chức danh hiện hành và quy hoạch là Tổ trưởng tổ bán hàng, Lãnh đạo phòng giao dịch và Lãnh đạo Phòng Khách hàng cá nhân, Phòng Khách hàng doanh nghiệp phụ trách phát triển kinh doanh của chi nhánh. Một kết quả đáng ghi nhận sau khi triển khai các đợt đào tạo chức danh lãnh đạo này là việc ban hành chính thức các Sổ tay đào tạo với đầy đủ nội dung của 3 phần : Nhận thức - Kiến thức và Kỹ năng, cùng với những danh mục qui định, qui trình và liệt kê các sản phẩm dịch vụ liên quan công việc của chức danh đó.
- Đào tạo quản lý rủi ro vận hành cho lãnh đạo cấp trung và cả nhân viên giao dịch với khách hàng.
- Tái đào tạo định kỳ về chất lượng phục vụ cho cán bộ và nhân viên giao dịch với khách hàng.

Những điểm nổi bật trong hoạt động năm 2012

/// CÔNG TÁC QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU



Năm 2012 là năm thương hiệu DongA Bank tròn 20 tuổi và **vinh dự đón nhận những sự vinh danh, công nhận từ Chính phủ và các tổ chức uy tín trong và ngoài nước.**

Ngày 29/6/2012, nhân Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, DongA Bank đã hân hạnh đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng. Nhân dịp này, Ủy ban Nhân dân TP. HCM cũng đã trao tặng Cờ thi đua cho DongA Bank vì thành quả lao động xuất sắc, những nỗ lực, phấn đấu hết mình vì xã hội, vì cộng đồng và vì sự phát triển chung của ngành ngân hàng.

Tháng 9/2012, DongA Bank và công ty Kiểu hối Đông Á tiếp tục được bình chọn là Ngân hàng kinh doanh ngoại hối tốt nhất Việt Nam, Công ty tài chính tốt nhất Việt Nam trong khuôn khổ giải thưởng quốc tế “Wholesale and Retail Banking Awards” do tạp chí uy tín Asian Banking & Finance (ABF) tổ chức. Một điểm nhấn nổi bật trong công tác xây dựng thương hiệu của DongA Bank năm 2012 là việc ký kết Hợp đồng tài trợ thương mại trị giá 20 triệu USD giữa DongA Bank với Công ty Tài chính Quốc tế (IFC). Sự tin tưởng và chấp thuận tài trợ của IFC là một minh chứng cho uy tín và năng lực của DongA Bank đối với ngành Tài chính - Ngân hàng Việt Nam cũng như quốc tế.

Năm 2012 cũng ghi dấu sự đổi mới đồng bộ, mạnh mẽ và tích cực trong công tác quảng bá thương hiệu của

DongA Bank. DongA Bank **đã tập trung triển khai hàng loạt các sản phẩm, tiện ích và chương trình quảng bá mới hướng đến khách hàng.**

Từ đầu năm 2012, DongA Bank giới thiệu diện mạo mới của buồng ATM, nâng cấp và cải thiện hệ thống ATM để đem đến cho khách hàng những trải nghiệm mới. Không chỉ với hình ảnh mới hiện đại, dễ nhận biết, mỗi buồng ATM mới còn được trang bị từ 2-3 máy, đặc biệt có đội ngũ bảo vệ túc trực giúp khách hàng an tâm, thoải mái khi giao dịch. Tháng 8/2012, DongA Bank tiếp tục giới thiệu mẫu Thẻ Đa năng mới với màu sắc và họa tiết năng động, xứng tầm với thương hiệu “Thẻ ATM hàng đầu Việt Nam”.

Đối với khách hàng tiết kiệm, các chương trình khuyến mãi chăm sóc khách hàng được triển khai xuyên suốt trong năm như “Tiết kiệm vạn phát, xuân mới an khang”, “Tích lũy an tâm, cả nhà trúng lớn”, “Mùa vàng tuổi 20 – Trọn chữ tín, vẹn niềm tin” hay “Tặng tích lũy, tặng yêu thương”. Bên cạnh đó, hai sản phẩm tiết kiệm hoàn toàn mới “Tiết kiệm cho tương lai” và “Chấp cánh cho con yêu” cũng được ra mắt vào tháng 9/2012, phục vụ cho những nhu cầu tích lũy đặc trưng của đa dạng đối tượng khách hàng.

Đối với khách hàng doanh nghiệp, DongA Bank đã hợp tác cùng Hội Doanh nghiệp Trẻ TP.HCM (YBA) để hỗ trợ 1.000 tỷ đồng tín dụng cho các doanh nghiệp, trong đó có đến 100 tỷ



đồng được ưu đãi đặc biệt cho các khoản vay tín chấp với lãi suất chỉ 13%/năm.

Giữa năm 2012, chương trình “Nụ cười DongA Bank” được triển khai trên toàn hệ thống CN/PGD với phương châm “Hãy phục vụ khách hàng theo cách bạn muốn được phục vụ” như một nỗ lực toàn diện của DongA Bank thể hiện sự chăm sóc tận tâm nhất và mang đến trải nghiệm dịch vụ thân thiện nhất cho khách hàng.

Tự hào là “Ngân hàng trách nhiệm - Ngân hàng của những trái tim” nên những chương trình xã hội, đồng hành cùng cộng đồng là những nét không thể thiếu trong các hoạt động thương hiệu của DongA Bank. Những chương trình quen thuộc và đã được triển khai thành công trong những năm qua như “Vinh danh thủ khoa” - tôn vinh những thủ khoa trẻ tốt nghiệp đại học, “Nét Bút Tri Ân” - cuộc thi viết về lòng tri ân, “Cùng DongA Bank Hiến máu nhân đạo”, “Tôi yêu sự chia sẻ” - chương trình biểu diễn nghệ thuật đường phố, “Cùng ngư dân bám biển”, chương trình “Ký kết hợp tác toàn diện giữa DongA Bank với các trường đại học”... được DongA Bank tiếp nối triển khai với tất cả sự đam mê, nhiệt huyết, góp phần ghi dấu một thương hiệu nhân văn trong lòng đông đảo khách hàng và công chúng.

Tự hào là “Ngân hàng trách nhiệm, Ngân hàng của những trái tim” nên những chương trình xã hội, đồng hành cùng cộng đồng là những nét không thể thiếu trong các hoạt động thương hiệu của DongA Bank

Những điểm nổi bật trong hoạt động năm 2012

/// CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Trong năm 2012, DongA Bank đã chú trọng công tác xây dựng Đảng, với trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên bên cạnh việc tiếp tục rà soát và bổ sung, bồi dưỡng cán bộ trong diện quy hoạch.

Trong năm 2012, Đảng bộ DongA Bank đã thành lập thêm ba Chi bộ mới gồm: Chi bộ 11 – KV1 ĐBSCL, Chi bộ 12 và Chi bộ 13 – Hội sở. Đảng bộ cũng đã hoàn tất hồ sơ và tổ chức kết nạp cho 42 đảng viên mới trong năm 2012), giới thiệu 62 cán bộ học lớp Cử nhân Đảng (đạt 124% kế hoạch), giới thiệu 18 đảng viên học lớp bồi dưỡng Đảng viên mới.

Đảng bộ DongA Bank cũng tham mưu thực hiện nhiều nội dung, phần việc mang tính định hướng và sát với quy định của ngành, của Đảng như: Hỗ trợ trong việc củng cố Ban chỉ đạo thực hiện dân chủ tại DongA Bank, củng cố Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng..., tổ chức thành công 2 đợt học tập Nghị quyết TW 4 và 5 tại 13 Chi bộ, tham mưu tổ chức thành công buổi nói chuyện chuyên đề về “Biển Đông”.

Ngoài ra, Đảng bộ DongA Bank đã triển khai và thực hiện tốt việc phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW4 (khóa 11). Tất cả 100% chi bộ đều thực hiện nghiêm túc, tổ chức và thực hiện thành công công tác đánh giá chất lượng chi bộ, đảng viên năm 2012 theo đúng thời gian quy định của Đảng ủy cấp trên.

Với những hoạt động và đóng góp tích cực, Đảng bộ DongA Bank được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh nhiều năm liền.

CÔNG ĐOÀN

Công đoàn DongA Bank đã thành lập 32 Công đoàn cơ sở thành, 7 Công đoàn bộ phận. Phát động và tổ chức 2 cuộc thi ảnh “Rực rỡ sắc hoa” và cuộc thi viết “Gửi người phụ nữ tôi yêu” trong toàn ngân hàng nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 là một số hoạt động nổi bật của Công đoàn trong năm 2012. Hơn 3.500 lượt CBNV tham gia cuộc thi trên diễn đàn online “Khát vọng tuổi 20” với 90 bộ sưu tập ảnh và 15 bài viết. Sáu cá nhân và 15 tập thể được trao giải với tổng số tiền cho các giải thưởng là 9,2 triệu đồng.

Trong năm qua, Công đoàn DongA Bank cũng đã tích cực thực hiện hàng loạt các hoạt động có ý nghĩa trong đời sống CBNV. Công đoàn đã thực hiện “Năm an toàn giao thông - 2012”, vận động cán bộ nhân viên ngân hàng thực hiện tốt nếp sống văn hoá giao thông theo hành vi ba “có” và bốn “không”. Hội thảo “CUP DONGA BANK TUỔI 20” do Công đoàn tổ chức từ ngày 27/5 đến 17/6/2012 với sự tham gia của hơn 900 VĐV và CĐV - là nhân viên và người thân trên toàn quốc, đã mang lại bầu không khí vui tươi, rèn luyện thể thao, sức khỏe.

Nhằm chào mừng sinh nhật lần thứ 20 của ngân hàng, Công đoàn đã tổ chức các tiết mục thi biểu diễn mang chủ đề “Tình yêu quê hương, đất nước, nhiệt huyết tuổi trẻ”, với hơn 1.500 người tham dự thi và cổ vũ, diễn ra từ tháng 5 đến 17/6/2012 tại 6 khu vực trên cả nước. Cuộc thi viết “Tôi yêu DongA Bank” trên diễn đàn nội bộ “Khát vọng tuổi 20” từ 27/4 đến 01/7/2012 tập trung 3 chủ đề: Tôi sẽ làm thế nào? Làm gì? Bạn đã thấy những gì? Những câu chuyện về DongA Bank



đã thu hút toàn thể CBNV tham gia viết bài và bình luận.

Một số hoạt động sôi nổi khác như: Tổ chức thành công Ngày Hội văn hóa tại khu vực TP.HCM và toàn quốc; tổ chức bình bầu phụ nữ “hai giới” thành công với 1.057 CBNV nữ đạt danh hiệu này; tổ chức 11 em học sinh chăm ngoan là con của Công đoàn viên tham gia Trại hè Thanh Đa năm 2012 (Đợt 23/7 – 27/7/2012); tổ chức hoạt động tặng quà Trung thu cho các con em Công đoàn viên, hoạt động Trung thu đến với trẻ em nghèo, mồ côi (CN Quảng Ninh, CSC, Trung tâm thể, Tây Ninh, Bình Phước, Bến tre, Huế, Đà Nẵng, Ninh Thuận,...) là một vài hoạt động tiêu biểu khác của Công đoàn DongA Bank và các Công đoàn thành viên trong năm qua.

Việc quan tâm chăm lo đời sống, sinh hoạt, phúc lợi cho CBNV (các chính sách, thăm viếng đau ốm - hiếu hỉ; nghỉ mát...) được chú trọng và thực hiện tốt. Với những đóng góp tích cực, Công đoàn DongA Bank đã nhận cờ thi đua vững mạnh xuất sắc năm 2012.

Nhân kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3), Công đoàn phối hợp cùng Đoàn Thanh niên tổ chức Cuộc thi “Sức trẻ đơn vị tôi”, truyền thống 26/3 trên website “Khát vọng tuổi 20”, thu hút 23 đơn vị tham gia. Với cuộc thi “Tôi - người Đoàn viên Ngân hàng” do Đoàn khởi tổ chức, DongA Bank đã đạt thành tích nổi bật.

Đoàn cơ sở DongA Bank hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được Đoàn Khối công nhận đơn vị xuất sắc dẫn đầu

cụm thương mại cổ phần năm 2012 và được đề nghị nhận bằng khen của TW Đoàn ba năm liền (2010 – 2011 – 2012).

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI DOANH NGHIỆP

Trong suốt 20 năm hoạt động, từ truyền thống là “Ngân hàng trách nhiệm, Ngân hàng của những trái tim”, các hoạt động từ thiện hướng đến cộng đồng được khởi xướng từ DongA Bank đã nhận được sự chia sẻ nhiệt tình từ các nhân viên, cơ quan chính quyền, đối tác và khách hàng. Mỗi chương trình xã hội từ thiện của DongA Bank đều đặc biệt và có ý nghĩa riêng, từ giúp đỡ người nghèo, người bệnh hiểm nghèo cho đến hỗ trợ, đồng hành các tài năng trẻ trong lĩnh vực giáo dục.

Trong năm 2012 DongA Bank đã tài trợ lớn cho an sinh xã hội tại khu vực ĐBSCL, giúp bà con miền sông nước có cuộc sống ổn định hơn cũng như ý thức được việc bảo toàn tài chính của mình. Ngân hàng cũng dành hàng trăm triệu đồng giúp các bệnh nhân tim ở TP.HCM vượt qua khó khăn, gánh nặng về chi phí hay hỗ trợ những tấm lưới cho các ngư dân. Mẹ Việt Nam anh hùng (Xây dựng Nhà lưu niệm Mẹ Rành), học sinh nghèo vượt khó (Học bổng Nguyễn Đình Chiểu cho MTTQ TP. HCM), người nghèo (Quỹ Vì người nghèo Phú Nhuận) và bộ đội (Bộ đội Trường Sa) là những đối tượng mà DongA Bank đã hướng tới trong năm 2012.

Tổng số tiền Công đoàn DongA Bank sử dụng cho các hoạt động thiện nguyện trong năm 2012 là gần 4 tỷ đồng.

A close-up of two hands shaking in a firm handshake. The hand on the left is wearing a dark suit jacket and a white shirt cuff. The hand on the right is bare. They are shaking over a paved road that stretches into the distance. In the background, there are green trees and a tall skyscraper under a blue sky with some clouds.

“Hợp tác chính là nguồn gốc
của sự phồn thịnh”



Các công ty thành viên

/// CÔNG TY KIỀU HỐI ĐÔNG Á



Là một tên tuổi dẫn đầu trên thị trường, trong năm qua, Kiều hối Đông Á đặt mục tiêu chất lượng dịch vụ chi trả lên hàng đầu và tập trung xây dựng thương hiệu kiều hối bền vững, uy tín tại thị trường Việt Nam

Năm 2012, được đánh giá là một năm biến động và đầy thách thức do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế kéo dài và lan rộng. Tuy nhiên, theo thống kê mới nhất của World Bank, kiều hối về các nước đang phát triển đạt mức 406 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2011, riêng Việt Nam thu hút 10 tỷ USD kiều hối và được đánh giá là một trong 8 quốc gia nhận kiều hối nhiều nhất thế giới.

Là một tên tuổi dẫn đầu trên thị trường, trong năm qua, Kiều hối Đông Á đặt mục tiêu chất lượng dịch vụ chi trả lên hàng đầu và tập trung xây dựng thương hiệu kiều hối bền vững, uy tín tại thị trường Việt Nam. Bằng những định hướng và giải pháp cụ thể đi theo mục tiêu trên, Kiều hối Đông Á đạt mức doanh số xấp xỉ 1,5 tỷ USD và tiếp tục nắm giữ 15% thị phần kiều hối của cả nước.

Trong các chiến lược kinh doanh của Kiều hối Đông Á, hoàn thiện hóa chất lượng dịch vụ là chiến lược luôn được chú trọng hàng đầu và thực hiện sâu sát. Tất cả các khâu

của dịch vụ được thực hiện đồng bộ và kiểm soát nghiêm ngặt trên toàn quốc. Ngoài ra, việc rút ngắn thời gian chi trả luôn được ngân hàng đặc biệt quan tâm. Hiện nay, đối với dịch vụ chi trả tại quầy, khách hàng chỉ mất 10 phút giao dịch và đối với dịch vụ chi trả tại nhà, khách hàng có thể nhận tiền ngay trong ngày mà không phải mất thời gian đi lại.

Với đội ngũ hàng trăm nhân viên chi nhà khắp cả nước, Kiều hối Đông Á luôn sẵn sàng chuyển tiền đến tận tay khách hàng một cách nhanh nhất dù khách hàng ở địa bàn xa hàng trăm kilomet hay trong tình trạng thời tiết không thuận lợi. Hoặc đối với những trường hợp khẩn cấp khi chuyển tiền đến bệnh viện để khách hàng kịp thời chi trả viện phí hoặc chuyển đến khách hàng lớn tuổi, công ty luôn có sự ưu tiên chi trả để kịp thời hỗ trợ. Có thể nói, dịch vụ chi trả của Kiều hối Đông Á là điểm nổi bật giúp khách hàng ghi nhớ và yên tâm về dịch vụ của Kiều hối Đông Á. Tính đến nay, Kiều hối Đông Á đã hoàn thiện mở rộng mạng lưới đến 63/63 tỉnh, thành trên toàn quốc, với số lượng CN/PGD lên đến 250 điểm.

Với mạng lưới đối tác và điểm chi trả rộng khắp như hiện nay, Kiều hối Đông Á tự hào đã và đang thực hiện tốt nhiệm vụ “Chuyển tiền niềm vui”, là cầu nối gắn kết người Việt đang làm việc và sinh sống tại các quốc gia trên thế giới với quê hương.

Để đạt được kết quả như trên, Công ty Kiều hối Đông Á đã không ngừng đầu tư phát triển hệ thống, áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại vào công tác nghiệp vụ hàng ngày. Bên cạnh



đó, công ty liên tục mở rộng hợp tác với các đối tác toàn cầu giúp khách hàng có thể chuyển tiền từ bất cứ quốc gia nào về Việt Nam thông qua Đông Á. Trong năm qua, Kiều hối Đông Á đã thành công kết nối với các đối tác mới tại thị trường Châu Á, Châu Âu, liên tục mở rộng mạng lưới đối tác tại các thị trường hiện hữu, góp phần khai thông thêm nguồn kiều hối mới về Việt Nam.

Với định hướng luôn đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, bên cạnh chất lượng dịch vụ tốt, Kiều hối Đông Á thường xuyên tung ra các chương trình ưu đãi hấp dẫn cho từng đối tượng khách hàng cụ thể. Nổi bật nhất là chương trình khuyến mãi dành riêng cho khách hàng nhận tiền từ thị trường Châu Á, và chương trình Tết “Trúng xe sang, rộn ràng đón Tết” với rất nhiều giải thưởng giá trị như xe máy Piaggio, xe máy Honda và hàng chục giải thưởng vàng, tiền mặt...

Không chỉ chú trọng mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, Kiều hối Đông Á luôn có sự đầu tư nhất định cho chiến lược phát triển nguồn nhân lực ổn định và có chuyên môn cao. Điển hình như các chương trình đào tạo kỹ năng, huấn luyện nghiệp vụ được triển khai cho từng phòng ban và xuyên suốt trong năm. Ngoài ra, công ty cũng đã thành công xây dựng hệ thống đánh giá chuyên nghiệp KPIs nhằm đưa ra những đánh giá khách quan và có hướng đầu tư đúng đắn cho nguồn nhân lực của công ty. Việc đầu tư xây dựng con người cũng chính là một trong những giải pháp cụ thể cho việc phục vụ khách hàng được tốt nhất.

Xứng đáng với những thành quả trên, Kiều hối Đông Á đã được các tổ chức tài chính quốc tế uy tín đánh giá cao và vinh danh qua các giải thưởng như “Công ty tài chính tốt nhất Việt Nam” và “Công ty chuyển tiền tốt nhất 2012”, cho thấy sự vươn mình lớn rộng và sẵn sàng sánh ngang với các tổ chức tài chính trên thế giới trong tương lai.

Kiều hối năm 2013 được dự đoán sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức, cạnh tranh cho các công ty chuyển tiền với mức tăng trưởng là 7,9%. Tuy nhiên, Ban giám đốc công ty nhận định năm nay cũng chính là một năm mang đến nhiều cơ hội phát triển và lớn mạnh hơn. Với những định hướng và chiến lược cụ thể, Kiều hối Đông Á đang sẵn sàng cho một năm mới nhiều quả ngọt và cam kết mang đến cho khách hàng dịch vụ chuyên nghiệp, ổn định và giữ vững danh hiệu dẫn đầu thị trường kiều hối nội địa.

Các công ty thành viên

/// CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐÔNG Á VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐÔNG Á



Năm 2012 là một năm đầy khó khăn thách thức đối với nền kinh tế trong nước: tình trạng hàng tồn kho tăng cao, lãi suất cho vay ở mức các doanh nghiệp khó có thể tiếp cận, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng ở mức cao, tình hình công nợ của các doanh nghiệp vẫn chưa có hướng giải quyết. Với thực trạng của nền kinh tế như trên và những bất ổn của kinh tế vĩ mô tiếp tục bộc lộ đã làm cho thị trường chứng khoán không còn đủ sức níu chân dòng tiền ở lại. Các chỉ số chứng khoán đều suy giảm trong khi thanh khoản hầu như không cải thiện.

Trong một năm nhiều khó khăn như 2012, Công ty Chứng khoán Đông Á (DAS) đã tập trung hết sức vào việc nâng cao vị thế cạnh tranh thông qua việc đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự và tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro.

Cụ thể trong năm, DAS đã triển khai thành công hệ thống giao dịch hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất với nhiều công cụ, tiện ích hỗ trợ các nhà đầu tư giao dịch như DongA Online, DongA Pro, DongA SMS, DongA Mobile,...

Bên cạnh đó, hệ thống kết nối giữa tài khoản giao dịch chứng khoán của DAS với tài khoản tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư tại DongA Bank được vận hành thuận lợi và an toàn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư giao dịch một cách có hiệu quả.

Sau một thời gian tiến hành xây dựng, DAS đã chính thức ra mắt slogan: "Giải pháp tiên phong – Thành công vững chắc". Cùng với đó, cũng là một phần trong chiến lược tăng cường vị thế của DAS trên thị trường, trong năm qua, DAS đã đẩy mạnh hoạt động xây dựng hình ảnh thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, như tăng cường sự hiện diện trên các website và báo in hàng đầu về chứng khoán như Vietstock, CafeF, NDHMoney, Báo Đầu tư Chứng khoán,... quảng bá hình ảnh trên các kênh truyền hình HTV và FBNC.

Với những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ lãnh đạo và đội ngũ nhân viên công ty, trong năm 2012, DAS liên tục duy trì vị trí top 8 các công ty chứng khoán dẫn đầu thị phần môi giới trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, và top 12 thị phần môi giới trên toàn thị trường chứng khoán Việt Nam.



Bên cạnh đó, trong bối cảnh thị trường sụt giảm nghiêm trọng trong năm 2012, nhiều công ty chứng khoán phải thu hẹp hoạt động, cắt giảm nhân sự, rút bớt nghiệp vụ. DAS cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tích cực thu hút lượng khách hàng từ các công ty chứng khoán khác, cụ thể như Công ty Chứng khoán Âu Việt và Công ty Chứng khoán Nam An đã chuyển toàn bộ khách hàng môi giới về cho DAS.

Cuối năm 2012, DAS cũng đạt được một thành tựu đáng ghi nhận khi là công ty chứng khoán duy nhất tiếp tục được Bộ Tài chính cấp phép thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa trong năm 2013. Với bước tiến này, DAS tiếp tục khẳng định vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp nói riêng và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nói chung trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Để thực hiện định hướng phát triển bền vững, công ty luôn khuyến khích và hỗ trợ cán bộ nhân viên trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin thường xuyên, liên tục để phục vụ tốt nhất cho nhu cầu công việc. Các nhân viên

nghiệp vụ đều được trang bị đầy đủ kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán, cũng như được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Bên cạnh đó, công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để phát huy kỹ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề cho CBNV.

Song song với công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, công ty chú trọng tổ chức những buổi hội thảo, tọa đàm định kỳ, liên tục, nhằm giúp cho cán bộ nhân viên cảm nhận được sâu sắc hơn các đặc trưng văn hóa của công ty, thông qua đó, mọi người có thể hòa nhập tốt hơn trong môi trường làm việc của công ty. Đó cũng được ban lãnh đạo công ty xem như một hoạt động team-building, nhằm hướng toàn thể CBNV đến mục tiêu chung là xây dựng công ty trở thành một tổ chức tài chính lớn mạnh trong ngành chứng khoán.

“Điều quan trọng không phải vị trí ta đang đứng,
mà ở hướng ta đang đi”





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO
tài chính
2012

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và các báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	3 - 4
Báo cáo của Ban điều hành.....	5
Báo cáo kiểm toán độc lập.....	6
Bảng cân đối kế toán hợp nhất.....	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất.....	13 - 62



THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0009/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 27 tháng 3 năm 1992 và theo Quyết định số 135/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 4 năm 1995. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (1) Sở Giao dịch, hai trăm hai mươi bảy (227) chi nhánh, các phòng giao dịch, các điểm giao dịch và các quỹ tiết kiệm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỐ NHIỆM
Ông Phạm Văn Bự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Bà Vũ Thị Vang	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Đặng Phước Dừa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Trần Phương Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Trang Thành Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Trần Văn Đình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Cao Sỹ Kiêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỐ NHIỆM
Bà Nguyễn Thị Cúc	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Vinh Sơn	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Bà Phan Thị Tố Loan	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010



THÔNG TIN CHUNG

(tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Điều hành và Kế toán Trưởng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỎ NHIỆM/TỪ NHIỆM
Ông Trần Phương Bình	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 1998
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2001
Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2001
Ông Nguyễn An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2008
Ông Trần Đạo Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2009
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2008
Ông Lương Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2012
Bà Võ Thị Kim Anh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 1999

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Bự, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký các báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Trần Phương Bình, chức danh Tổng Giám đốc, theo Thư ủy quyền số 06/QĐ-HĐQT-DAB ngày 26 tháng 1 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

/// BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Phương Bình

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

/// BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60752831/15505028

Kính gửi: Các cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“Ngân hàng”) và các công ty con được trình bày từ trang 5 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Michael Yu Lim

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0629/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2013

Hoàng Thị Hồng Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0761/KTV

/// BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD

	THUYẾT MINH	31/12/2012 TRIỆU VNĐ	31/12/2011 TRIỆU VNĐ
			(trình bày lại)
Tài sản			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	4.827.650	8.170.257
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	1.891.120	1.479.377
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	2.658.526	4.213.094
Tiền gửi tại các TCTD khác		1.657.808	4.213.094
Cho vay các TCTD khác		1.008.280	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	10	(7.562)	-
Chứng khoán kinh doanh	8	199.968	243.219
Chứng khoán kinh doanh		218.538	255.387
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	13.1	(18.570)	(12.168)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
Cho vay khách hàng		49.756.163	43.341.054
Cho vay khách hàng	9	50.650.056	44.003.078
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(893.893)	(662.024)
Chứng khoán đầu tư		4.290.122	2.572.672
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11	4.290.584	2.572.672
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	13.2	(462)	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	451.169	537.650
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác		502.578	573.262
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13.3	(51.409)	(35.612)
Tài sản cố định		1.379.110	1.223.566
Tài sản cố định hữu hình	14.1	917.537	910.026
Nguyên giá tài sản cố định		1.566.995	1.420.908
Hao mòn tài sản cố định		(649.458)	(510.882)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	14.2	461.573	313.540
Nguyên giá tài sản cố định		521.870	358.553
Hao mòn tài sản cố định		(60.297)	(45.013)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản Có khác		3.824.395	2.957.306
Các khoản phải thu	15.1	1.225.688	1.485.433
Các khoản lãi, phí phải thu	15.2	2.077.206	1.019.497
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	21	27.716	-
Tài sản Có khác	15.3	493.785	452.376
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN		69.278.223	64.738.195

/// BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD

	THUYẾT MINH	31/12/2012 TRIỆU VNĐ	31/12/2011 TRIỆU VNĐ
			(trình bày lại)
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		-	839.958
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	16	5.874.350	5.734.774
Tiền gửi của các TCTD khác		2.039.900	4.186.819
Vay các TCTD khác		3.834.450	1.547.955
Tiền gửi của khách hàng	17	50.790.243	36.064.013
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	18	703.017	609.131
Phát hành giấy tờ có giá	19	4.323.124	4.872.574
Các khoản nợ phải trả khác		1.483.298	10.803.980
Các khoản lãi, phí phải trả	20.1	550.730	473.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		-	27.748
Các khoản phải trả và công nợ khác	20.2	897.678	10.261.552
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10	34.890	41.000
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		63.174.032	58.924.430
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD		5.000.583	4.500.583
Vốn điều lệ	22.1	5.000.000	4.500.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác	22.1	583	583
Quỹ của TCTD	22	504.643	364.806
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	22.1	598.965	948.376
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.104.191	5.813.765
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		69.278.223	64.738.195

/// BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02/TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	THUYẾT MINH	31/12/2012 TRIỆU VNĐ	31/12/2011 TRIỆU VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		4.097.519	5.098.217
Bảo lãnh vay vốn		1.200	531
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		2.648.121	3.213.377
Bảo lãnh khác		1.448.198	1.884.309
Các cam kết đưa ra		-	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
	36	4.097.519	5.098.217

Người lập:

Bà Bùi Nguyễn Bảo Vi
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Võ Thị Kim Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Trần Phương Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

/// BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03/TCTD

	THUYẾT MINH	NĂM 2012 TRIỆU VNĐ	NĂM 2011 TRIỆU VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	7.457.648	7.348.942
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(4.963.253)	(4.881.882)
Thu nhập lãi thuần		2.494.395	2.467.060
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		528.768	466.687
Chi phí hoạt động dịch vụ		(120.071)	(84.433)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	408.697	382.254
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	(137.706)	(27.850)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(58.522)	(27.881)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	19.531	26.501
Thu nhập từ hoạt động khác		39.882	5.237
Chi phí hoạt động khác		(3.617)	(2.400)
Lãi thuần từ hoạt động khác	30	36.265	2.837
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	20.731	24.552
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		2.783.391	2.847.473
Chi phí cho nhân viên		(572.186)	(629.943)
Chi phí khấu hao tài sản cố định		(156.788)	(124.214)
Chi phí hoạt động khác		(645.477)	(541.633)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(1.374.451)	(1.295.790)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.408.940	1.551.683
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(631.784)	(296.176)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		777.156	1.255.507
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	(255.406)	(278.935)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	21	55.464	(29.416)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(199.942)	(308.351)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		577.214	947.156
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	23	1.192	2.105

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Bùi Nguyễn Bảo Vi

Phó phòng Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Bà Võ Thị Kim Anh

Kế toán Trưởng



Ông Trần Phương Bình

Tổng Giám đốc

/// BÁO CÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B04/TCTD

	THUYẾT MINH	NĂM 2012 TRIỆU VNĐ	NĂM 2011 TRIỆU VNĐ
			(trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		6.387.510	6.762.952
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(4.886.203)	(4.856.014)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		408.697	382.254
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		(58.969)	(157.922)
Thu nhập khác		(477)	(1.414)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	30	3.832	2.246
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.285.031)	(1.054.723)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	21	(246.717)	(325.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		322.642	751.851
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(6.813.271)	(6.690.755)
Giảm/(tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		1.980.000	(764.771)
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.681.063)	335.214
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(6.646.978)	(5.682.231)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	10	(398.463)	(66.370)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(66.767)	(512.597)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		4.167.880	8.338.418
(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(839.958)	139.958
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		139.576	1.560.939
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		14.726.230	4.646.734
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(549.450)	(6.282.163)
Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		93.886	298.843
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động		(9.387.741)	7.982.469
Chi từ các quỹ của TCTD		(14.663)	(8.362)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(2.322.749)	2.399.514
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(138.497)	(156.663)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		222	2.079
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		70.684	40.882
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	31	20.731	24.552
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(46.860)	(89.150)

/// BÁO CÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B04/TCTD

	THUYẾT MINH	NĂM 2012 TRIỆU VNĐ	NĂM 2011 TRIỆU VNĐ
			(trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu	22.1	500.000	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(625.321)	(604.981)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(125.321)	(604.981)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.494.930)	1.705.383
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	33	10.809.683	9.104.300
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	33	8.314.753	10.809.683

Người lập:



Bà Bùi Nguyễn Bảo Vi

Phó phòng Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người kiểm soát:



Bà Võ Thị Kim Anh

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép số 0009/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 27 tháng 3 năm 1992 và theo Quyết định số 135/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 4 năm 1995. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại hối, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Ngân hàng là 5.000 tỷ đồng (31/12/2011: 4.500 tỷ đồng) đã được góp đầy đủ bởi các cổ đông.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (1) Sở Giao dịch, hai trăm hai mươi bảy (227) chi nhánh, các phòng giao dịch, các điểm giao dịch và các quỹ tiết kiệm.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

TÊN CÔNG TY CON	QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Quyết định số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003	Kinh doanh chứng khoán	100%
Công ty TNHH Kiểu hối Đông Á	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 4104000024 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001	Kinh doanh dịch vụ nhận và chi trả kiểu hối	100%

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á cũng sở hữu một (1) công ty con sau đây:

TÊN CÔNG TY CON	QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA ĐAS
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á	Quyết định số 20/UBCK-GP do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 9 năm 2007	Quản lý quỹ	100%

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.206 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.846 người).



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ"). Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"). Việc trình bày theo đơn vị này không ảnh hưởng đến sự nhìn nhận của người sử dụng đối với các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

3.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh kèm theo cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

3.3 Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý kể từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4.1 Hoạt động liên tục

Ban Điều hành của Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và các công ty con và nhận thấy Ngân hàng và các công ty con có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng và các công ty con. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4.2 Dự phòng rủi ro các khoản tiền gửi tại, cho vay các TCTD khác và trái phiếu doanh nghiệp

Vào cuối kỳ kế toán, Ngân hàng và các công ty con tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tiền gửi tại, cho vay các TCTD khác và các trái phiếu doanh nghiệp để xác định mức độ dự phòng cho các khoản mục này ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngân hàng đưa ra các ước tính này dựa trên khả năng tài chính của đối tác và giá trị có thể thu hồi được của tài sản đảm bảo nếu có. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố có mức độ khác nhau trong nhận định chủ quan cũng như tính không chắc chắn và kết quả thực tế có thể khác nhau dẫn đến việc có thể có điều chỉnh một số khoản trong tương lai.

3.5 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi sau:

3.5.1 Thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo quy định của Thông tư này, riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính đến 31/12/2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp, doanh nghiệp không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng.

Theo đó, Ngân hàng và các công ty con đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm.

3.5.2 Thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ

Ngày 5 tháng 9 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2011/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ thay thế cho Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định về Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 125/2011/TT-BTC sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2012. Công ty đã áp dụng Thông tư 125 và trình bày lại số đầu kỳ tương ứng.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Điều chỉnh/trình bày lại số dư đầu kỳ và các cơ sở điều chỉnh

Trong năm 2012, Ngân hàng thực hiện điều chỉnh một số số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: triệu đồng

	NĂM 2011 SỐ ĐÃ BÁO CÁO	ĐIỀU CHỈNH/ TRÌNH BÀY LẠI	NĂM 2011 TRÌNH BÀY LẠI
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác			
Tiền gửi tại các TCTD khác	4.213.593	(499)	4.213.094
Chứng khoán kinh doanh			
Chứng khoán kinh doanh	566.811	(311.424)	255.387
Tài sản Có khác			
Các khoản phải thu	1.986.748	(501.315)	1.485.433
Tài sản Có khác	449.521	2.855	452.376
Ảnh hưởng đến Tổng tài sản		(810.383)	
Các khoản nợ phải trả khác			
Các khoản phải trả và công nợ khác	11.071.935	(810.383)	10.261.552
Ảnh hưởng đến Tổng nợ phải trả		(810.383)	

Ngân hàng điều chỉnh lại số đầu kỳ nhằm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được do một công ty con là Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ trong năm 2012.

Theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC, vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác được ghi nhận như sau:

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của công ty quản lý quỹ. Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho công ty quản lý quỹ và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động khác" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.3 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.4 Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ

Theo Luật Các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản cho vay sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính.

Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN về việc Phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo đó, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Ngân hàng đã áp dụng Quyết định số 780/2012/QĐ-NHNN trong việc thực hiện phân loại nợ trong năm.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

NHÓM	LOẠI	TỶ LỆ DỰ PHÒNG CỤ THỂ
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Dự phòng chung

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4.5 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và các công ty con mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi và cổ tức thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và các công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng và các công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và các công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi bị suy giảm giá trị theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và các công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và các công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

4.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Phần mềm kế toán và các ứng dụng khác	3 - 20 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 - 20 năm

Quyển sử dụng đất không có thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng.

4.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là “các khoản cam kết ngoại bảng”). Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 4.4. Chi phí dự phòng được hạch toán vào khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.14 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Giá vốn cổ phiếu tự doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền di động; giá vốn trái phiếu dài hạn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phí quản lý danh mục ủy thác đầu tư được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và các công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và các công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 42). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VNĐ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.17 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và các công ty con và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

4.18 Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục "Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối".

4.19 Cẩn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cẩn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tắt toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.20 Lợi ích của nhân viên

4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.20.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Trong năm 2012, Ngân hàng và các công ty con đã ngưng trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng mất việc làm vào thu nhập trong năm theo quy định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

4.20.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.21 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ Ngân hàng và các công ty con và theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông.

4.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng trước khi trích lập các quỹ dự trữ theo luật định và quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

ĐVT: triệu VND

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền mặt bằng VND	1.373.536	1.208.573
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.138.474	951.337
Vàng tiền tệ	2.315.640	6.010.347
	4.827.650	8.170.257

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

ĐVT: triệu VND

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Bằng VND	1.602.757	1.181.926
Bằng ngoại tệ	288.363	297.451
	1.891.120	1.479.377

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% và 1,00% tương ứng với tiền gửi của khách hàng bằng VND; 8,00% và 6,00% tương ứng với tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng. Theo đó, mức dự trữ bắt buộc bằng VND trung bình trong tháng 12 năm 2012 là 1.367.367 triệu đồng, và dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ trung bình trong tháng 12 năm 2012 là 13.836 ngàn USD.

Trong năm 2012, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,00%/năm.

Trong năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.



/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
		(trình bày lại)
Tiền gửi tại các TCTD khác	1.657.808	4.213.094
Cho vay các TCTD khác	1.008.280	-
Dự phòng chung cho vay các TCTD khác	(7.562)	-
	2.658.526	4.213.094

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
		(trình bày lại)
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	108.847	34.306
Bằng ngoại tệ	548.961	1.101.841
	657.808	1.136.147
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	1.000.000	3.061.800
Bằng ngoại tệ	-	15.147
	1.000.000	3.076.947
	1.657.808	4.213.094

Theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện các hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này (ngày 1 tháng 9 năm 2012). Theo đó, Ngân hàng đã tuân thủ quy định của Thông tư này.

Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là các khoản tiền gửi được thực hiện trước ngày hiệu lực của Thông tư số 21/2012/TT-NHNN.

Mức lãi suất vào cuối năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác như sau:

	31/12/2012 (%/NĂM)	31/12/2011 (%/NĂM)
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	9,00	5,00 - 14,00
Tiền gửi CKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	-	0,15 - 0,20

7.2 Cho vay các TCTD khác

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Cho vay các TCTD bằng VNĐ	800.000	-
Cho vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	208.280	-
	1.008.280	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(7.562)	-
	1.000.718	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

7. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

7.2 Cho vay các TCTD khác (tiếp theo)

Mức lãi suất vào cuối năm của các khoản cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2012 (%/NĂM)	31/12/2011 (%/NĂM)
Cho vay các TCTD trong nước bằng VNĐ	4,00 - 7,00	-
Cho vay các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	0,50	-

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011 (trình bày lại)
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	218.538	255.387
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(18.570)	(12.168)
	199.968	243.219

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh mà Ngân hàng và các công ty con nắm giữ và chịu rủi ro như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Chứng khoán Vốn		
Đã niêm yết	60.772	153.803
Chưa niêm yết	157.766	101.584
	218.538	255.387

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	48.286.460	42.437.105
Cho vay thấu chi	1.374.584	707.442
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	585.494	486.518
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	312.300	316.872
Cho vay thẻ tín dụng	91.218	55.141
	50.650.056	44.003.078

Mức lãi suất của các khoản cho vay khách hàng vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 (%/NĂM)	31/12/2011 (%/NĂM)
Cho vay thương mại bằng VNĐ	9,00 - 24,00	10,20 - 26,00
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	3,00 - 9,10	4,00 - 11,30



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Nợ đủ tiêu chuẩn	46.361.463	39.959.744
Nợ cần chú ý	2.288.965	3.301.322
Nợ dưới tiêu chuẩn	834.339	194.403
Nợ nghi ngờ	507.073	286.930
Nợ có khả năng mất vốn	658.216	260.679
	50.650.056	44.003.078

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của khoản cho vay

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Nợ ngắn hạn	28.041.576	27.906.862
Nợ trung hạn	13.807.636	10.978.029
Nợ dài hạn	8.800.844	5.118.187
	50.650.056	44.003.078

9.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2012		31/12/2011	
	TRIỆU VNĐ	%	TRIỆU VNĐ	%
Cho vay các tổ chức kinh tế				
Công ty cổ phần khác	20.495.035	40,46	17.501.359	39,77
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	15.111.685	29,83	12.254.918	27,85
Doanh nghiệp tư nhân	997.099	1,97	1.198.764	2,72
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ công ty	563.048	1,11	612.555	1,39
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	129.674	0,26	94.025	0,21
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	126.318	0,25	103.503	0,24
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	63.505	0,13	78.310	0,18
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	59.570	0,12	20.468	0,05
Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	530	0,00	307.032	0,70
	37.546.464	74,13	32.170.934	73,11
Cho vay cá nhân	13.103.592	25,87	11.832.144	26,89
	50.650.056	100,00	44.003.078	100,00

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế

	31/12/2012		31/12/2011	
	TRIỆU VNĐ	%	TRIỆU VNĐ	%
Xây dựng	13.106.973	25,88	10.293.477	23,39
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	12.838.124	25,35	13.165.439	29,92
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9.418.681	18,59	7.886.568	17,92
Công nghiệp chế biến, chế tạo	6.476.351	12,79	5.433.915	12,35
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.119.147	6,16	2.574.250	5,85
Hoạt động dịch vụ khác	2.212.752	4,37	1.265.126	2,88
Vận tải kho bãi	927.643	1,83	943.363	2,14
Hoạt động kinh doanh bất động sản	855.886	1,69	998.380	2,27
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	472.001	0,93	478.880	1,09
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	276.132	0,54	251.268	0,57
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	269.335	0,53	281.330	0,64
Giáo dục và đào tạo	261.569	0,52	165.367	0,38
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	162.316	0,32	73.246	0,17
Khai khoáng	81.779	0,16	51.517	0,12
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	60.027	0,12	51.849	0,12
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	50.846	0,10	41.469	0,09
Thông tin và truyền thông	31.195	0,06	10.572	0,02
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	19.228	0,04	19.046	0,04
Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	10.056	0,02	9.460	0,02
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	15	0,00	200	0,00
Nghệ thuật vui chơi giải trí	-	-	8.356	0,02
	50.650.056	100,00	44.003.078	100,00

10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Cho vay các TCTD khác	7.562	-
Cho vay khách hàng	893.893	662.024
Các cam kết ngoại bảng	34.890	41.000
	936.345	703.024

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6 của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 780/2012/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nội bộ của Ngân hàng. Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thay vì tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng tin rằng việc phân loại nợ tại ngày 31 tháng 12 phản ánh chính xác hơn kết quả hoạt động tín dụng của Ngân hàng tại thời điểm cuối kỳ kế toán.



/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm nay như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	DỰ PHÒNG CỤ THỂ	DỰ PHÒNG CHUNG	TỔNG SỐ DỰ PHÒNG
Số dư dự phòng lập đầu năm	333.956	369.068	703.024
Số tiền đã trích lập trong năm	746.091	64.740	810.831
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(179.047)	-	(179.047)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(382.046)	(16.417)	(398.463)
Số dư dự phòng cuối năm	518.954	417.391	936.345

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm trước như sau:

	DỰ PHÒNG CỤ THỂ	DỰ PHÒNG CHUNG	TỔNG SỐ DỰ PHÒNG
Số dư dự phòng lập đầu năm	160.373	312.845	473.218
Số tiền đã trích lập trong năm	251.702	56.223	307.925
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.749)	-	(11.749)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(66.370)	-	(66.370)
Số dư dự phòng cuối năm	333.956	369.068	703.024

Chi tiết phân loại nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN, Quyết định số 780/2012/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	SỐ DƯ	DỰ PHÒNG CỤ THỂ	DỰ PHÒNG CHUNG	TỔNG SỐ DỰ PHÒNG
Các khoản cho vay các TCTD khác				
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.008.280	-	7.562	7.562
Các khoản cho vay khách hàng				
Nợ đủ tiêu chuẩn	46.361.463	-	347.711	347.711
Nợ cần chú ý	2.288.965	71.884	17.167	89.051
Nợ dưới tiêu chuẩn	834.339	94.877	6.258	101.135
Nợ nghi ngờ	507.073	116.295	3.803	120.098
Nợ có khả năng mất vốn	658.216	235.898	-	235.898
	50.650.056	518.954	374.939	893.893
Các cam kết ngoại bảng				
Nợ đủ tiêu chuẩn	4.652.060	-	34.890	34.890
TỔNG CỘNG	56.310.396	518.954	417.391	936.345

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

ĐVT: triệu VND

	31/12/2012	31/12/2011
Chứng khoán Nợ		
Trái phiếu Chính phủ	1.466.581	1.116.114
Trái phiếu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	200.000	-
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	2.300.000	1.000.000
Chứng khoán do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	50.000	50.000
	4.016.581	2.166.114
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	8.676
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	274.003	397.882
	274.003	406.558
Tổng cộng	4.290.584	2.572.672

11.1 Chi tiết các chứng khoán Nợ sẵn sàng để bán

ĐVT: triệu VND

		31/12/2012		31/12/2011	
		MỆNH GIÁ	GIÁ TRỊ GHI SỔ	MỆNH GIÁ	GIÁ TRỊ GHI SỔ
Trái phiếu Chính phủ	(a)	1.464.615	1.466.581	1.114.615	1.116.114
Trái phiếu của Ngân hàng					
Phát triển Việt Nam	(b)	1.300.000	1.300.000	-	-
Kỳ phiếu của Ngân hàng					
TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(c)	800.000	800.000	800.000	800.000
Trái phiếu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	(d)	200.000	200.000	-	-
Trái phiếu của Ngân hàng					
Chính sách Xã hội	(e)	200.000	200.000	200.000	200.000
Trái phiếu của Tập đoàn					
Than - Khoáng sản Việt Nam	(f)	50.000	50.000	50.000	50.000
		4.014.615	4.016.581	2.164.615	2.166.114

- (a) Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm và lãi suất từ 9,65%/năm đến 12,42%/năm.
- (b) Trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam có kỳ hạn từ 3 đến 5 năm và lãi suất từ 9,50%/năm đến 9,80%/năm.
- (c) Kỳ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam có kỳ hạn 9 tháng và lãi suất là 9,00%/năm.
- (d) Trái phiếu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kỳ hạn 3 năm và lãi suất là 10,70%/năm.
- (e) Trái phiếu của Ngân hàng Chính sách Xã hội có kỳ hạn 5 năm và lãi suất là 10,32%/năm.
- (f) Trái phiếu của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam có kỳ hạn 5 năm, lãi suất là 14,525%/năm và không có tài sản đảm bảo.



/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.2 Tình trạng niêm yết của các chứng khoán sẵn sàng để bán

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Chứng khoán Nợ		
Đã niêm yết	3.166.581	1.316.114
Chưa niêm yết	850.000	850.000
	4.016.581	2.166.114
Chứng khoán Vốn		
Đã niêm yết	5.366	-
Chưa niêm yết	268.637	406.558
	274.003	406.558
	4.290.584	2.572.672

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Các khoản đầu tư dài hạn khác	502.578	573.262
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(51.409)	(35.612)
	451.169	537.650

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác vào các tổ chức kinh tế như sau:

	31/12/2012			31/12/2011		
	MỆNH GIÁ TRIỆU VNĐ	GIÁ GỐC TRIỆU VNĐ	TỶ LỆ SỞ HỮU %	MỆNH GIÁ TRIỆU VNĐ	GIÁ GỐC TRIỆU VNĐ	TỶ LỆ SỞ HỮU %
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn M&C	31.383	94.147	3,00	31.383	94.147	3,00
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	15.792	50.116	4,29	20.226	63.703	5,50
Công ty CP Địa ốc Kinh Đô	40.000	46.000	4,00	40.000	46.000	4,00
Công ty CP Thủy Đặc Sản	11.200	42.448	10,37	11.200	42.448	10,37
Công ty CP Khải Toàn	9.376	38.972	7,68	9.376	38.972	7,68
Công ty CP Kim khí Hưng Thịnh Phát	12.857	33.141	4,29	12.857	39.071	4,29
Công ty CP Đầu tư Vina	9.000	27.343	6,00	9.000	27.343	6,00
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè	10.900	24.525	10,00	10.900	24.525	10,00
Công ty CP Địa ốc Đông Á	20.900	20.900	6,97	33.000	33.000	11,00
Công ty CP Cấp nước Bến Thành	9.360	19.188	10,00	9.360	19.188	10,00
Công ty CP Cấp nước Gia Định	9.695	13.863	10,21	9.500	13.680	10,00
Công ty CP Chế biến TP Sông Hậu	3.000	11.250	5,00	6.000	22.500	10,00
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn	3.300	10.597	11,00	3.300	10.597	11,00
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân	9.000	9.450	10,00	9.000	9.450	10,00
Công ty CP Bảo hiểm Toàn cầu	8.800	8.800	11,00	8.800	8.800	11,00
Công ty CP CN di động Thuận Phát	8.000	8.000	10,00	8.000	8.000	10,00
Công ty CP ĐT Thông tin Tín dụng PCB	7.962	7.962	9,84	7.962	7.962	9,84
Công ty CP Sợi Thế Kỷ	2.938	7.469	1,28	746	1.785	0,33
Công ty CP Kho vận PETEC	5.400	5.400	5,40	5.400	5.400	5,40
Công ty CP Nhựa Sài Gòn	2.830	5.181	3,28	1.358	2.917	0,81
Công ty CP Thẻ thông minh Vina	3.300	3.300	11,00	3.300	3.300	11,00
Công ty CP Cấp nước Chợ Lớn	2.767	2.988	2,13	2.767	2.988	2,13
Công ty CP Bất động sản Đại Phước (DIC-Resco)	1.240	2.840	10,99	-	-	-
Công ty CP Chuyển mạch Tài chính quốc gia Việt Nam	2.500	2.500	1,98	2.500	2.500	1,98
Công ty CP Café PETEC Lâm Đồng	1.460	1.480	4,87	1.460	1.480	4,87
Công ty CP Phát triển Sản xuất Thương mại Sài Gòn	400	1.400	2,68	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn	250	1.000	0,83	-	-	-
Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng						
Khoa học Kinh tế (Cesais)	750	750	8,41	750	750	8,41
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn ng- hiệp vụ ngân hàng (BTC)	503	503	5,15	503	503	5,15
Quỹ Bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	500	500	0,26	500	500	0,26
Công ty CP In & Thương mại Vina	156	415	0,49	3.240	8.603	10,13
Công ty CP May da Xuất khẩu 30/4	150	150	1,79	150	150	1,79
Các khoản đầu tư vào các công ty khác	-	-		24.000	33.000	
		502.578			573.262	

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn trong năm như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Số dư đầu năm		
Trong đó:		
Chứng khoán kinh doanh	12.168	17.493
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	12.375
Đầu tư dài hạn khác	35.612	10.946
	47.780	40.814
Tăng/(giảm) trong năm		
Trong đó:		
Chứng khoán kinh doanh	6.402	(5.325)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	462	(12.375)
Đầu tư dài hạn khác	15.797	24.666
	22.661	6.966
Số dư cuối năm		
Trong đó:		
Chứng khoán kinh doanh	18.570	12.168
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	462	-
Đầu tư dài hạn khác	51.409	35.612
	70.441	47.780

13.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
	GIÁ GỐC CHỨNG KHOÁN (THUYẾT MINH SỐ 8)	SỐ TIỀN DỰ PHÒNG ĐÃ TRÍCH LẬP
Chứng khoán kinh doanh		SỐ TIỀN DỰ PHÒNG ĐÃ TRÍCH LẬP
Cổ phiếu niêm yết	60.772	18.415
Cổ phiếu chưa niêm yết	157.766	155
	218.538	18.570
		12.168

13.2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
	GIÁ GỐC CHỨNG KHOÁN (THUYẾT MINH SỐ 11)	SỐ TIỀN DỰ PHÒNG ĐÃ TRÍCH LẬP
Chứng khoán Nợ		SỐ TIỀN DỰ PHÒNG ĐÃ TRÍCH LẬP
Đã niêm yết	3.166.581	-
Chưa niêm yết	850.000	-
	4.016.581	-
Chứng khoán Vốn		
Đã niêm yết	5.366	462
Chưa niêm yết	268.637	-
	274.003	462
	4.290.584	462

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

13.3 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012		31/12/2011
	GIÁ GỐC CHỨNG KHOÁN (THUYẾT MINH SỐ 12)	SỐ TIỀN DỰ PHÒNG ĐÃ TRÍCH LẬP	SỐ TIỀN DỰ PHÒNG ĐÃ TRÍCH LẬP
Đầu tư dài hạn khác			
Cổ phiếu niêm yết	2.988	-	747
Cổ phiếu chưa niêm yết	499.590	51.409	34.865
	502.578	51.409	35.612

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình trong năm 2012 như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TSCĐ KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	642.839	552.631	74.825	106.549	44.064	1.420.908
Tăng trong năm	98.683	80.582	10.659	10.809	3.363	204.096
Tăng do phân loại lại	-	758	-	1.311	-	2.069
Thanh lý, nhượng bán	-	(124)	(770)	(320)	(345)	(1.559)
Giảm do phân loại lại	(54.583)	-	-	-	(130)	(54.713)
Giảm khác	(1.541)	(394)	-	(898)	(973)	(3.806)
Số dư cuối năm	685.398	633.453	84.714	117.451	45.979	1.566.995
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	66.123	325.256	43.032	51.415	25.056	510.882
Khấu hao trong năm	26.240	80.899	9.288	17.394	7.683	141.504
Tăng do phân loại lại	-	753	-	-	-	753
Thanh lý, nhượng bán	-	(117)	(766)	(316)	(312)	(1.511)
Giảm do phân loại lại	(334)	-	-	(115)	(304)	(753)
Giảm khác	(414)	(182)	-	(81)	(740)	(1.417)
Số dư cuối năm	91.615	406.609	51.554	68.297	31.383	649.458
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Số dư đầu năm	576.716	227.375	31.793	55.134	19.008	910.026
Số dư cuối năm	593.783	226.844	33.160	49.154	14.596	917.537

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	34.056
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	239.127



/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

14.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2012 như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM KẾ TOÁN VÀ ỨNG DỤNG KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	241.646	116.907	358.553
Tăng trong năm	88.420	22.353	110.773
Tăng do phân loại lại	52.644	-	52.644
Giảm khác	-	(100)	(100)
Số dư cuối năm	382.710	139.160	521.870
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	617	44.396	45.013
Khấu hao trong năm	695	14.589	15.284
Số dư cuối năm	1.312	58.985	60.297
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	241.029	72.511	313.540
Số dư cuối năm	381.398	80.175	461.573

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012
Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.806

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

15.1 Các khoản phải thu

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
		(TRÌNH BÀY LẠI)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (a)	60.987	29.852
Các khoản phải thu khác (b)	1.164.701	1.455.581
	1.225.688	1.485.433

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

(a) Tài khoản này thể hiện các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các trụ sở chi nhánh và phòng giao dịch của Ngân hàng, bao gồm một số công trình lớn như sau:

ĐVT: triệu VND

	31/12/2012	31/12/2011
Công trình 468 Nguyễn Thị Minh Khai	19.746	8.672
Công trình Chi nhánh Hải Phòng	12.611	-
Công trình Chi nhánh Ninh Thuận	8.745	-
Công trình Chi nhánh Bắc Giang	5.871	230
Công trình Chi nhánh Gia Rai	4.912	-
Công trình PGD Phước Long	4.754	-
Công trình Chi nhánh Vĩnh Long	1.510	1.510
Công trình Phòng giao dịch Buôn Hồ	-	2.605
Công trình Chi nhánh Bình Dương	-	7.671
Công trình Chi nhánh Quảng Ngãi	-	8.896
Các công trình khác	2.838	268
	60.987	29.852

(b) Các khoản phải thu khác bao gồm:

ĐVT: triệu VND

	THUYẾT MINH	31/12/2012	31/12/2011
			(TRÌNH BÀY LẠI)
Phải thu nội bộ			
Tạm ứng cổ tức trong năm	(i)	435.000	585.000
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ		44.360	73.750
Phải thu khác		9.667	6.187
Phải thu bên ngoài			
Tạm ứng tiền đặt cọc mua nhà và đất xây dựng văn phòng của các chi nhánh và phòng giao dịch của Ngân hàng		260.115	333.074
Đặt cọc thuê văn phòng	(ii)	191.375	55.144
Phải thu hợp tác đầu tư	(iii)	69.349	236.352
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư		49.051	28.426
Phải thu khách hàng từ hoạt động giao dịch chứng khoán		30.727	3.752
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định		14.837	83.653
Phải thu Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất		13.882	17.184
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ		10.912	4.443
Phải thu khách hàng từ giao dịch ký quỹ chứng khoán		10.428	-
Phải thu khác		24.998	28.616
		1.164.701	1.455.581

(i) Tài khoản này thể hiện khoản tạm ứng cổ tức của năm hiện hành cho các cổ đông của Ngân hàng và sẽ được bù trừ vào lợi nhuận chưa phân phối của Ngân hàng sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên (Thuyết minh số 22.1).

(ii) Bao gồm trong tài khoản này là khoản tạm ứng để mua diện tích sàn tại Cao ốc M&C để làm văn phòng với tổng số tiền là 165.000 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(iii) Tài khoản này thể hiện các khoản phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á - một công ty con của Ngân hàng với các nhà đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.2 Các khoản lãi, phí phải thu

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Lãi từ cho vay khách hàng	1.824.475	818.134
Lãi từ chứng khoán Nợ đầu tư sẵn sàng để bán	217.047	99.134
Lãi từ tiền gửi tại các TCTD khác	34.872	102.184
Lãi từ cho vay các TCTD khác	812	45
	2.077.206	1.019.497

15.3 Tài sản Có khác

ĐVT: triệu VNĐ

THUYẾT MINH	31/12/2012	31/12/2011
		(TRÌNH BÀY LẠI)
Tài sản gán nợ chờ xử lý (a)	391.936	386.176
Chi phí chờ phân bổ (b)	90.608	53.932
Tài sản Có khác	11.241	12.268
	493.785	452.376

(a) Tài khoản này thể hiện các tài sản đảm bảo được chuyển giao cho Ngân hàng để gán nợ theo các hợp đồng chuyển nhượng. Ngân hàng đang tiến hành các thủ tục để chuyển quyền sở hữu tài sản.

(b) Tài khoản này thể hiện các khoản tiền thuê văn phòng trả trước, các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, nâng cấp và cải tạo văn phòng, công cụ dụng cụ có giá trị lớn xuất dùng được phân bổ trong thời hạn từ 2 tháng đến 5 năm.

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi của các TCTD khác	2.039.900	4.186.819
Vay các TCTD khác	3.834.450	1.547.955
	5.874.350	5.734.774

16.1 Tiền gửi của các TCTD khác

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	90.384	111.595
Bằng ngoại tệ	3.976	7.848
	94.360	119.443
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng VNĐ	800.000	1.630.500
Bằng ngoại tệ	1.145.540	2.436.876
	1.945.540	4.067.376
	2.039.900	4.186.819

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

16.1 Tiền gửi của các TCTD khác (tiếp theo)

Mức lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 (%/NĂM)	31/12/2011 (%/NĂM)
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	9,00	6,00 - 14,00
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	2,80 - 3,50	4,50 - 6,25

16.2 Vay từ các TCTD khác

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Bằng VNĐ	2.500.000	1.373.000
Bằng ngoại tệ	1.334.450	174.955
	3.834.450	1.547.955

Mức lãi suất của các khoản vay của các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 (%/NĂM)	31/12/2011 (%/NĂM)
Vay các TCTD trong nước bằng VNĐ	4,00 - 11,00	16,00 - 20,80
Vay các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	0,60 - 4,07	-
Vay các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	2,29 - 2,81	2,25 - 3,03

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

17.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	6.524.711	5.303.347
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	44.429	17.664
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	297.623	284.864
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.513	8.816
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	2.879.214	2.013.884
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	37.031.730	24.748.079
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.364	43.430
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.366.535	3.235.290
Tiền gửi ký quỹ		
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	114.278	99.962
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	440.263	268.540
Tiền gửi vốn chuyên dùng	77.583	40.137
	50.790.243	36.064.013

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

17.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi (tiếp theo)

Mức lãi suất của các khoản tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	(%/NĂM)	(%/NĂM)
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	0,00 - 3,60	0,00 - 5,40
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	1,20	1,00 - 2,40
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 1,30	0,00 - 1,30
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,50	0,00 - 0,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	2,00 - 14,00	2,40 - 14,00
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	2,00 - 14,00	6,00 - 14,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,50	1,00 - 5,00
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,60 - 5,62	0,18 - 5,50

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, nếu khách hàng rút tiền ngay trong ngày gửi tiền thì khách hàng sẽ không được hưởng lãi suất và khách hàng phải thanh toán phí kiểm đếm ở mức thu phí thấp nhất theo biểu phí hiện hành của Ngân hàng. Nếu khách hàng rút tiền gửi trước ngày đáo hạn gửi tiền, khách hàng được hưởng mức lãi suất không kỳ hạn thấp nhất theo khung lãi suất huy động của Ngân hàng tại thời điểm rút tiền.

17.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi của tổ chức kinh tế		
Doanh nghiệp quốc doanh	1.170.474	1.239.516
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	7.790.779	2.964.481
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.467	342.007
	8.963.720	4.546.004
Tiền gửi của cá nhân	41.183.785	31.502.761
Tiền gửi của các đối tượng khác	642.738	15.248
	50.790.243	36.064.013

18. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY CHỊU RỦI RO

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Vốn nhận tài trợ từ Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	421.304	431.338
Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng HTQT Nhật Bản	268.523	172.795
Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Phát triển Châu Á	13.190	4.998
	703.017	609.131

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

18. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY CHỊU RỦI RO (tiếp theo)

Vốn nhận tài trợ từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") nhận được bằng USD và VNĐ là vốn ủy thác từ Ngân hàng Thế giới thông qua BIDV để tài trợ Dự án Tài chính Nông thôn I, II và III. Chi tiết những khoản vay này như sau:

- Khoản vay trung hạn chịu mức lãi suất là 9,55%/năm (năm 2011: từ 5,82%/năm đến 13,92%/năm).
- Khoản vay dài hạn chịu mức lãi suất là 9,55%/năm cho vốn nhận bằng VNĐ (năm 2011: 8,16%/năm) và 0,75%/năm cho vốn nhận bằng USD (năm 2011: 0,75%/năm).

Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản nhận được bằng VNĐ là vốn ủy thác cho dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Những khoản tài trợ này là trung và dài hạn và có mức lãi suất là 7,68%/năm (năm 2011: từ 4,80%/năm đến 12,48%/năm và từ 4,80%/năm đến 7,50%/năm).

Vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Phát triển Châu Á nhận được bằng VNĐ là vốn ủy thác để tài trợ dự án tài chính ADB. Những khoản vay này có kỳ hạn là 2, 3, 5, 7 và 14 năm và có mức lãi suất từ 8,76%/năm (năm 2011: từ 7,56%/năm đến 13,68%/năm).

19. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Chứng chỉ tiền gửi vàng		
Dưới 12 tháng	3.158.982	2.678.151
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	181.751
Từ 5 năm trở lên	-	1.852
	3.158.982	2.861.754
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	1.164.142	1.960.820
Trái phiếu		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	50.000
	4.323.124	4.872.574

Mức lãi suất của các chứng chỉ tiền gửi vàng và kỳ phiếu tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 (%/NĂM)	31/12/2011 (%/NĂM)
Chứng chỉ tiền gửi vàng		
Dưới 12 tháng	0,50 - 2,80	0,20 - 1,70
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	0,15 - 3,06
Từ 5 năm trở lên	-	1,02 - 5,45
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	7,93 - 14,00	13,94 - 14,00
Trái phiếu		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	18,00



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

20. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ KHÁC

20.1 Các khoản lãi, phí phải trả

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Lãi phải trả tiền gửi bằng VNĐ	63.583	70.914
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	14.217	11.339
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VNĐ	375.330	264.079
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	9.741	10.875
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá bằng VNĐ	49.702	71.921
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá bằng vàng	6.345	1.972
Lãi phải trả tiền vay bằng VNĐ	20.145	21.717
Lãi phải trả tiền vay bằng ngoại tệ	4.738	997
Lợi tức phải trả cho các khoản vàng giữ hộ khách hàng	6.233	18.845
Phí phải trả khác	696	1.021
	550.730	473.680

20.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

ĐVT: triệu VNĐ

	THUYẾT MINH	31/12/2012	31/12/2011 (TRÌNH BÀY LẠI)
Các khoản phải trả nội bộ			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		53.532	61.782
Các khoản phải trả nhân viên		3.501	47.910
Quỹ trợ cấp mất việc làm		-	36.713
Các khoản phải trả bên ngoài			
Chứng chỉ tiền gửi vàng đến hạn chờ thanh toán		186.861	-
Vàng giữ hộ		170.518	9.591.281
Phải trả chờ thanh toán cho khách hàng		100.469	85.305
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	21	84.136	76.338
Vay ngắn hạn	(a)	76.845	39.872
Thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư		70.105	73.045
Chuyển tiền phải trả		54.570	50.296
Phải trả công ty kiểu hối nước ngoài		36.552	45.193
Tiền gửi phong tỏa		16.894	23.803
Phải trả Ngân hàng Nhà nước về hỗ trợ lãi suất		9.216	9.206
Thu lãi cho vay trả trước của khách hàng		5.527	17.956
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Ngân hàng		2.585	57.906
Người mua ứng trước		2.184	2.291
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.698	1.403
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán		1.506	10.852
Phải trả đấu giá bán cổ phần		-	589
Các khoản phải trả khác		20.979	29.811
		897.678	10.261.552

(a) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân và tổ chức kinh tế của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, một công ty con của Ngân hàng.

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

21. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

ĐVT: triệu VND

	SỐ DƯ ĐẦU NĂM	PHÁT SINH TRONG NĂM		SỐ DƯ NỢP
		SỐ DƯ CUỐI NĂM	SỐ PHẢI NỢP	
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	7.590	36.881	(37.376)	7.095
Thuế GTGT dịch vụ	3.625	29.422	(25.952)	7.095
Thuế GTGT kinh doanh ngoại hối	3.965	7.459	(11.424)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.289	255.406	(246.717)	63.978
Các loại thuế khác	13.459	56.198	(56.594)	13.063
	76.338	348.485	(340.687)	84.136

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng và các công ty con chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 25% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á chịu thuế suất thuế TNDN là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế TNDN hợp nhất bao gồm chi phí thuế TNDN của Ngân hàng và các công ty con. Ngân hàng và các công ty con chịu trách nhiệm lập và nộp báo cáo quyết toán thuế TNDN riêng biệt cho các cơ quan thuế địa phương quản lý mình.

Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng và các công ty con trong năm như sau:

ĐVT: triệu VND

	NĂM 2012	NĂM 2011
Chi phí thuế TNDN hiện hành	255.406	278.935
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(55.464)	29.416
	199.942	308.351

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

21. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Lợi nhuận trước thuế	777.156	1.255.507
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(20.731)	(24.552)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	110.863	(110.992)
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá năm trước thực hiện trong năm	110.992	(72.220)
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	65.547
Chi phí không hợp lý	978	325
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	(2.700)	-
Lỗ tính thuế của các công ty con	44.657	1.999
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính năm hiện hành	1.021.215	1.115.614
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng theo thuế suất 25%	249.544	272.501
Chi phí thuế TNDN của công ty con theo thuế suất 25%	5.760	6.402
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	102	32
Chi phí thuế TNDN ước tính phát sinh phải trả trong năm	255.406	278.935
Thuế TNDN phải trả đầu năm	55.289	103.308
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	(55)
Tạm ứng thuế trong năm trước	-	(1.371)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(246.717)	(325.528)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	63.978	55.289

Thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi thuế TNDN hoãn lại trong năm liên quan đến việc phát sinh hoặc hoàn nhập các khoản lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VNĐ vào thời điểm cuối năm.

Thuế TNDN hoãn lại được Ngân hàng trình bày như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	31/12/2012	31/12/2011	NĂM 2012	NĂM 2011
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện phát sinh/ (hoàn nhập)	27.716	-	27.716	(18.055)
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	-	-	16.387
	27.716	-		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (phát sinh)/ hoàn nhập	-	(27.748)	27.748	(27.748)
	-	(27.748)		
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại thuần			55.464	(29.416)

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

21. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, doanh nghiệp được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đồng Á và Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Đồng Á - hai công ty con của Ngân hàng có khoản lỗ tính thuế mang sang là 46.656 triệu VNĐ có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

NĂM PHÁT SINH	CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM	LỖ TÍNH THUẾ	ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31/12/2012	KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ	CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31/12/2012
2008	2013	15.618	(15.618)	-	-
2011	2016	1.999	-	-	1.999
2012	2017	44.657	-	-	44.657
		62.274	(15.618)	-	46.656

Các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế còn lại do không thể dự tính được là sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng khoản lỗ thuế này.

22. VỐN VÀ CÁC QUỸ

22.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

ĐVT: triệu VNĐ

	VỐN ĐIỀU LỆ	QUỸ DƯ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ KHÁC	VỐN KHÁC	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI	TỔNG CỘNG
Số dư đầu năm	4.500.000	96.495	261.103	6.104	1.104	583	948.376	5.813.765
Tăng vốn điều lệ	500.000	-	-	-	-	-	-	500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	577.214	577.214
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của Ngân hàng và công ty con cho năm trước	-	46.890	91.185	1.047	11.378	-	(150.500)	-
Tạm trích lập các quỹ của Ngân hàng cho năm nay	-	-	-	-	4.000	-	-	4.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của Ngân hàng và công ty con cho năm trước	-	-	-	-	-	-	(54.186)	(54.186)
Chi trả cổ tức của năm trước	-	-	-	-	-	-	(720.000)	(720.000)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	(107)	-	(14.556)	-	-	(14.663)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.939)	(1.939)
Số dư cuối năm	5.000.000	143.385	352.181	7.151	1.926	583	598.965	6.104.191

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 20 của Ngân hàng tổ chức vào ngày 30 tháng 3 năm 2012 đã thông qua việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2011 là 720.000 triệu đồng. Trong năm, Ngân hàng cũng đã tạm ứng cổ tức cho năm 2012 bằng tiền là 435.000 triệu VNĐ (2011: 585.000 triệu VNĐ) (Thuyết minh số 15.1) và sẽ căn trừ vào lợi nhuận chưa phân phối sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối còn lại để trích lập các quỹ và chia cổ tức bổ sung như sau:

	NĂM 2012	NĂM 2011
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	598.965	948.376
Tạm ứng cổ tức trong năm	(435.000)	(585.000)
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại để trích lập các quỹ và chi cổ tức bổ sung	163.965	363.376

Trong năm 2012, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được tăng lên 500.000 triệu VNĐ theo công văn chấp thuận số 9659/NHNN-TTGSNH của Thanh tra giám sát ngân hàng ngày 16 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

22. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

22.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	31/12/2012 CỔ PHIẾU	31/12/2011 CỔ PHIẾU
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	500.000.000	450.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	500.000.000	450.000.000
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	450.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000.000	450.000.000
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	450.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ/ cổ phiếu)	10.000	10.000

22.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2012, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	MỨC TRÍCH LẬP	MỨC TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế và sau khi trừ	
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25% Vốn điều lệ	

Các quỹ sau đây được trích lập theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

	MỨC TRÍCH LẬP	MỨC TỐI ĐA
Quỹ đầu tư phát triển	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Không quy định
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Không quy định
Quỹ khác	Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Không quy định

Ngân hàng chưa tiến hành trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo quy định. Việc trích lập các quỹ dự trữ này sẽ được thực hiện trong năm 2013 thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

22.3 Các quỹ dự trữ của các công ty con

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

	MỨC TRÍCH LẬP	MỨC TỐI ĐA
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo điều lệ của Công ty như sau:

	MỨC TRÍCH LẬP	MỨC TỐI ĐA
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định
Quỹ đào tạo nội bộ	5% lợi nhuận sau thuế	Không quy định
Quỹ khen thưởng	5% lợi nhuận sau thuế	Không quy định
Quỹ phúc lợi	5% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

22. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

22.3 Các quỹ dự trữ của các công ty con (tiếp theo)

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á

Việc trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty được thực hiện như sau:

MỨC TRÍCH LẬP TỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10%
Quỹ dự phòng tài chính	10%
Quỹ đầu tư phát triển	10%
Quỹ đào tạo nội bộ	5%
Quỹ khen thưởng	5%
Quỹ phúc lợi	5%

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Kiều hối Đông Á

Quỹ dự trữ được lập theo điều lệ của Công ty như sau:

MỨC TRÍCH LẬP TỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	
Quỹ dự phòng tài chính	10%
Quỹ đầu tư phát triển	5%

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	NĂM 2012	NĂM 2011
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (triệu VNĐ)	577.214	947.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	484.426.230	450.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	1.192	2.105

24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Thu nhập lãi cho vay	6.721.558	6.633.742
Thu lãi từ chứng khoán Nợ đầu tư	372.990	222.188
Thu nhập lãi tiền gửi	344.538	473.854
Thu khác từ hoạt động tín dụng	18.562	19.158
	7.457.648	7.348.942

25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Chi phí lãi tiền gửi	4.346.916	4.239.977
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	413.117	412.356
Chi phí lãi tiền vay	203.220	229.124
Chi phí hoạt động tín dụng khác	-	425
	4.963.253	4.881.882

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	334.964	288.730
Dịch vụ chi trả kiểu hối	58.922	55.712
Nghiệp vụ bảo lãnh	43.044	30.831
Nghiệp vụ môi giới chứng khoán	39.452	22.193
Dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính	21.265	3.347
Dịch vụ ngân quỹ	3.116	2.339
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	2.776	8.942
Bảo quản tài sản	1.351	455
Nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	294	16.116
Nghiệp vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán	-	14.396
Thu khác	23.584	23.626
	528.768	466.687
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Chi cho trung tâm thẻ	(27.431)	(18.104)
Phí bưu điện, mạng viễn thông	(22.271)	(23.354)
Dịch vụ tư vấn	(20.631)	(4.776)
Dịch vụ thanh toán	(19.821)	(23.056)
Nghiệp vụ môi giới chứng khoán	(12.080)	(7.162)
Dịch vụ ngân quỹ	(4.218)	(4.287)
Chi về dịch vụ ủy thác và đại lý	(1.156)	-
Chi khác	(12.463)	(3.694)
	(120.071)	(84.433)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	408.697	382.254

27. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh vàng	385.313	155.550
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	65.923	212.410
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	11.494	565
	462.730	368.525
Chi về hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh vàng	(458.685)	(258.501)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(124.802)	(137.874)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(16.949)	-
	(600.436)	(396.375)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(137.706)	(27.850)

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

28. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	68.774	26.403
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(120.894)	(59.609)
(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(6.402)	5.325
	(58.522)	(27.881)

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	24.489	14.126
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(4.496)	-
(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(462)	12.375
	19.531	26.501

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc	34.632	-
Thu hồi nợ đã xử lý rủi ro	3.832	2.246
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	1.418	2.991
	39.882	5.237
Chi từ hoạt động kinh doanh khác	(3.617)	(2.400)
	36.265	2.837

31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

ĐVT: triệu VNĐ

	NĂM 2012	NĂM 2011
Cổ tức bằng tiền nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần:		
Từ chứng khoán Vốn kinh doanh	7.085	6.395
Từ chứng khoán Vốn đầu tư	6.459	8.241
Từ góp vốn, đầu tư dài hạn khác	7.187	9.916
	20.731	24.552

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

ĐVT: triệu VND

	NĂM 2012	NĂM 2011
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	11.979	8.918
Chi phí cho nhân viên		
Chi lương và phụ cấp	511.972	568.646
Các khoản chi đóng góp theo lương	60.204	24.436
Chi khác	10	36.861
	572.186	629.943
Chi về tài sản		
Khấu hao tài sản cố định	156.788	124.214
Chi phí thuê văn phòng	110.171	99.917
Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	81.171	88.481
Chi phí công cụ lao động và dụng cụ	15.070	18.493
Chi phí bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	3.388	2.913
	366.588	334.018
Chi cho hoạt động quản lý, công vụ		
Chi phí hành chính	68.334	32.223
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, tiếp tân	39.493	34.135
Chi phí điện, nước	37.085	30.844
Chi phí vật liệu, giấy tờ in	36.880	27.257
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	33.153	30.341
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	28.885	13.863
Chi phí thông tin liên lạc	26.009	22.741
Chi phí xăng dầu	25.326	14.701
Chi công tác phí	15.079	18.066
Chi phí đào tạo	1.510	2.296
Các khoản chi phí khác	43.214	28.192
	354.968	254.659
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	52.933	43.586
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	15.797	24.666
	1.374.451	1.295.790

33. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

ĐVT: triệu VND

	31/12/2012	31/12/2011 (TRÌNH BÀY LẠI)
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4.827.650	8.170.257
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.891.120	1.479.377
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	657.808	1.136.147
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	1.008.280	96.947
Trừ: tiền gửi giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư (Thuyết minh số 20.2)	(70.105)	(73.045)
	8.314.753	10.809.683



/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

34. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	NĂM 2012	NĂM 2011
I. TỔNG SỐ NHÂN VIÊN (người)	5.206	4.846
II. THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN		
1. Tổng quỹ lương đã chi (triệu VNĐ)	395.204	465.029
2. Tiền ăn trưa (triệu VNĐ)	27.309	24.192
3. Tiền thưởng (triệu VNĐ)	92.151	97.229
4. Tổng thu nhập (1+2+3) (triệu VNĐ)	514.664	586.450
5. Tiền lương bình quân tháng (VNĐ/nhân viên)	6.326.098	7.996.784
6. Thu nhập bình quân tháng (VNĐ/nhân viên)	8.238.315	10.084.778

35. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Bất động sản	44.353.628	37.772.111
Hàng hóa lưu kho	6.409.711	7.738.404
Chứng từ có giá	5.671.354	5.518.860
Phương tiện vận chuyển	1.964.696	1.793.101
Máy móc thiết bị	1.808.549	1.950.045
Sổ tiết kiệm	1.325.641	744.762
Khác	2.621.614	3.573.994
	64.155.193	59.091.277

36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tín cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	3.118.813	3.492.152
Bảo lãnh vay vốn	1.200	531
Bảo lãnh khác	1.532.047	1.974.036
	4.652.060	5.466.719
Trừ: tiền gửi ký quỹ	(554.541)	(368.502)
Nợ tiềm ẩn	4.097.519	5.098.217

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản trị và điều hành của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ TRIỆU VNĐ
Ban Kiểm soát	Gửi tiền vào tài khoản	19.352
	Rút tiền từ tài khoản	20.294
Ban Tổng Giám đốc	Gửi tiền vào tài khoản	64.825
	Rút tiền từ tài khoản	64.078
Hội đồng Quản trị	Gửi tiền vào tài khoản	356.360
	Rút tiền từ tài khoản	339.738
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)	Gửi tiền vào tài khoản	3.187.411
	Rút tiền từ tài khoản	3.199.748
	Doanh số cho vay	131.000
	Doanh số thu lãi	18.019
	Doanh số thu nợ	164.989
	Cổ tức đã trả	1.061
Các bên liên quan khác (*)	Gửi tiền vào tài khoản	4.967.281
	Rút tiền từ tài khoản	4.962.302
	Doanh số cho vay	841.792
	Doanh số thu lãi	21.579
	Doanh số thu nợ	860.820
	Đặt cọc thuê văn phòng	130.000
	Tạm ứng xây văn phòng làm việc	37.234

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG GIAO DỊCH	PHẢI THU/(PHẢI TRẢ) TRIỆU VND
Ban Kiểm soát	Tiền gửi không kỳ hạn	(148)
	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(373)
Ban Tổng Giám đốc	Tiền gửi không kỳ hạn	(799)
	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(1.366)
Hội đồng Quản trị	Tiền gửi không kỳ hạn	(2.359)
	Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	(2)
	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(28.895)
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)	Cho vay	354.873
	Tiền gửi không kỳ hạn	(3.789)
Các bên liên quan khác (*)	Tiền gửi không kỳ hạn	(24.269)
	Tiền gửi có kỳ hạn	(40.264)
	Tiền gửi phong tỏa tại Ngân hàng	(7.239)
	Cho vay	153.655
	Đặt cọc thuê văn phòng	165.000
	Tạm ứng xây dựng văn phòng	37.234

(*) Các bên liên quan khác là các doanh nghiệp mà Ngân hàng và các công ty con góp vốn, mua cổ phần và có người đại diện trong Ban Quản trị và điều hành.

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Định hướng của Ngân hàng là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán riêng của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

38.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả quy trình tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(a) Các tài sản tài chính không bị quá hạn hay không bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

(b) Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

ĐVT: triệu VNĐ

TÀI SẢN	QUÁ HẠN			
	ĐẾN 90 NGÀY	91-180 NGÀY	181-360 NGÀY	TRÊN 360 NGÀY
Cho vay khách hàng	428.762	23.921	19.760	86.897
Tài sản Có khác				
Các khoản phải thu	-	-	-	6.442

Các tài sản tài chính này đã quá hạn nhưng không bị giảm giá trị là do Ngân hàng hiện đang nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này.

38.2 Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng và các công ty con:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản Có khác) được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

- Thời gian đáo hạn còn lại của từng loại giấy tờ có giá.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng xác định rủi ro được xác định dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tài trợ tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Phân loại tài sản và công nợ của Ngân hàng theo rủi ro lãi suất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

		LAI SUẤT ĐƯỢC ĐỊNH GIÁ LẠI TRONG KHOẢNG THỜI GIAN									
		QUÁ HẠN	KHÔNG CHỊU LẠI	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG	TỪ 3 ĐẾN 6 THÁNG	TỪ 6 ĐẾN 12 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM	TỪ 5 NĂM TRỞ LÊN	TỔNG CỘNG	
Tài sản											
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	4.827.650	-	-	-	-	-	-	-	4.827.650	-
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.891.120	-	-	-	-	-	-	1.891.120	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	1.266.088	1.400.000	-	-	-	-	-	2.666.088	-
Chứng khoán kinh doanh	-	218.538	-	-	-	-	-	-	-	218.538	-
Cho vay khách hàng	4.288.593	-	24.886.131	15.768.689	2.666.241	2.490.337	550.065	-	-	50.650.056	-
Chứng khoán đầu tư	-	274.003	23.660	-	999.997	100.000	2.892.924	-	-	4.290.584	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	502.578	-	-	-	-	-	-	-	502.578	-
Tài sản cố định	-	1.379.110	-	-	-	-	-	-	-	1.379.110	-
Tài sản Có khác	6.442	3.817.953	-	-	-	-	-	-	-	3.824.395	-
Tổng tài sản	4.295.035	11.019.832	28.066.999	17.168.689	3.666.238	2.590.337	3.442.989	-	-	70.250.119	-
Nợ phải trả											
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	94.360	1.633.120	2.441.400	1.705.470	-	-	-	5.874.350	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	32.721.839	7.239.486	1.960.499	6.066.859	2.801.270	290	290	50.790.243	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	-	1.353	10.417	19.854	43.242	618.766	9.385	9.385	703.017	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	318.995	1.583.371	2.419.929	829	-	-	-	4.323.124	-
Các khoản nợ khác	-	1.448.408	-	-	-	-	-	-	-	1.448.408	-
Tổng nợ phải trả	-	1.448.408	33.136.547	10.466.394	6.841.682	7.816.400	3.420.036	9.675	9.675	63.139.142	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	4.295.035	9.571.424	(5.069.548)	6.702.295	(3.175.444)	(5.226.063)	22.953	(9.675)	(9.675)	7.110.977	-
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	4.295.035	9.571.424	(5.069.548)	6.702.295	(3.175.444)	(5.226.063)	22.953	(9.675)	(9.675)	7.110.977	-

Ghi chú: Tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng và các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VNĐ và đô la Mỹ có dao động trong biên độ hẹp. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Ngân hàng và các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(b) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI	GIÁ TRỊ VÀNG TIỀN TỆ ĐƯỢC QUY ĐỔI	CÁC NGOẠI TỆ KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỔI	TỔNG CỘNG
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	194.487	689.144	2.315.640	254.843	3.454.114
Tiền gửi tại NHNN	-	288.363	-	-	288.363
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	11.803	644.488	-	100.950	757.241
Cho vay khách hàng	15.393	4.556.744	1.551.552	4.151	6.127.840
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Tài sản Có khác	76	31.123	3.758	16	34.973
Tổng tài sản	221.759	6.209.862	3.870.950	359.960	10.662.531
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu					
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	1.556	2.482.402	-	8	2.483.966
Tiền gửi của khách hàng	185.466	3.712.598	-	221.548	4.119.612
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	1.968	-	-	1.968
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.158.982	-	3.158.982
Các khoản nợ khác	8.713	52.127	370.263	5.178	436.281
Vốn và các quỹ	-	583	-	-	583
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	195.735	6.249.678	3.529.245	226.734	10.201.392
Trạng thái tiền tệ nội bảng	26.024	(39.816)	341.705	133.226	461.139
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng phát sinh từ các cam kết mua - bán ngoại tệ	(19.201)	(239.999)	377.799	(77.884)	40.715
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	6.823	(279.815)	719.504	55.342	501.854

ĐVT: triệu VND

Ghi chú: Tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của ngân hàng. Đồng thời Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

38. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

38.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ của Ngân hàng theo rủi ro thanh khoản vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	QUÁ HẠN			TRONG HẠN			TỔNG CỘNG
	TRÊN 3 THÁNG	ĐẾN 3 THÁNG	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG	TỪ 3 ĐẾN 12 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM	TỪ 5 NĂM TRỞ LÊN
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	4.827.650	-	-	-	4.827.650
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.891.120	-	-	-	1.891.120
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	1.266.088	1.400.000	-	-	2.666.088
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	218.538	-	-	218.538
Cho vay khách hàng	1.999.628	2.288.965	3.093.599	5.864.514	17.007.903	13.393.773	50.650.056
Chứng khoán đầu tư	-	-	23.660	-	1.099.997	3.166.927	4.290.584
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	502.578	502.578
Tài sản cố định	-	-	1.613	1.545	20.572	280.028	1.379.110
Tài sản Có khác	6.442	-	84.306	2.176.233	546.691	481.571	3.824.395
Tổng tài sản	2.006.070	2.288.965	11.188.036	9.660.830	18.675.163	17.824.877	70.250.119
Nợ phải trả							
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	94.360	1.633.120	4.146.870	-	5.874.350
Tiền gửi của khách hàng	-	-	32.721.839	7.239.486	8.027.358	2.801.270	50.790.243
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	-	1.353	10.417	63.096	618.766	703.017
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	318.995	1.583.371	2.420.758	-	4.323.124
Các khoản nợ khác	-	-	517.866	781.520	138.875	10.147	1.448.408
Tổng nợ phải trả	-	-	33.654.413	11.247.914	14.796.957	3.430.183	63.139.142
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	2.006.070	2.288.965	(22.466.377)	(1.587.084)	3.878.206	14.394.694	7.110.977

Ghi chú: Tổng tài sản thể hiện giá trị gộp và chưa loại trừ phần dự phòng rủi ro tín dụng và giảm giá chứng khoán.

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên các báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

/// THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng và các công ty con chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua/tạo ra chủ yếu cho mục đích bán/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng hoặc các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

39.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

ĐVT: triệu VNĐ

	GIÁ TRỊ GHI SỔ					TÀI SẢN VÀ NỢ KHÁC HẠCH TOÁN THEO GIÁ TRỊ PHÂN BỐ	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ GHI SỔ	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
	CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	CHỨNG KHOÁN GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN	CHARGES VÀ PHẢI THU	CHARGES KHOÁN SẴN SÀNG ĐỂ BÁN	CHARGES KHOÁN SẴN SÀNG ĐỂ BÁN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	-	4.827.650	4.827.650	4.827.650
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	-	1.891.120	1.891.120	1.891.120
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	-	1.000.718	-	-	1.657.808	2.658.526	(*)
Chứng khoán kinh doanh	199.968	-	-	-	-	199.968	199.968	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	49.756.163	-	-	49.756.163	49.756.163	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	4.290.122	-	4.290.122	4.290.122	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	2.464.854	2.464.854	(*)
	199.968	-	50.756.881	4.290.122	10.841.432	66.088.403	66.088.403	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không xác định được bởi vì Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

ĐVT: triệu VNĐ

	GIÁ TRỊ GHI SỔ					TÀI SẢN VÀ NỢ KHÁC HẠCH TOÁN THEO GIÁ TRỊ PHÂN BỐ	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ GHI SỔ	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
	CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	CHỨNG KHOÁN GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN	CHARGES VÀ PHẢI THU	CHARGES KHOÁN SẴN SÀNG ĐỂ BÁN	CHARGES KHOÁN SẴN SÀNG ĐỂ BÁN			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	-	5.874.350	5.874.350	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	-	50.790.243	50.790.243	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư chịu rủi ro	-	-	-	-	-	703.017	703.017	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	4.323.124	4.323.124	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	1.298.674	1.298.674	(*)
	-	-	-	-	-	62.989.408	62.989.408	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không xác định được bởi vì Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD

39. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

39.2 Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp hoặc đã chuyển nhượng nhưng không đủ điều kiện dừng ghi nhận

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012		31/12/2011	
	GIÁ TRỊ GHI SỐ	NGHĨA VỤ CÓ LIÊN QUAN	GIÁ TRỊ GHI SỐ	NGHĨA VỤ CÓ LIÊN QUAN
Trái phiếu Chính phủ	-	-	872.190	844.468

39.3 Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro

Ngân hàng và các công ty con chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro trong quá trình quản lý tài sản và các khoản nợ.

40. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2012	31/12/2011
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	201.979	38.956
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang		
đến hạn trong 1 năm	75.415	73.032
đến hạn từ 2 đến 5 năm	147.980	134.612
đến hạn sau 5 năm	55.948	25.825
	279.343	233.469

41. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

42. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2012 ĐỒNG	31/12/2011 ĐỒNG
USD	20.828	20.828
EUR	27.430	27.290
GBP	33.560	32.470
CHF	22.700	22.380
JPY	241	271
SGD	16.970	16.210
CAD	20.810	20.640
AUD	21.530	21.430

Người lập

Bà Bùi Nguyễn Bảo Vi

Phó phòng Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người kiểm soát

Bà Võ Thị Kim Anh

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Ông Trần Phương Bình

Tổng Giám đốc



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á
Hội sở: 130 Phan Đăng Lưu, P.3, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
Tel: (848) 39951483 - Fax: (848) 39951614
Email: 1900545464@dongabank.com.vn
Hotline: 1900545464 Swift Code: EACBVNVX
Website: www.dongabank.com.vn

